



BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

**TÁC ĐỘNG CỦA COVID- 19 TỚI MỘT SỐ CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
TẠI VIỆT NAM:
NGHIÊN CỨU VỚI CỘNG ĐỒNG TẠI CHỖ VÀ NGƯỜI DI CƯ THÀNH THỊ**

LỜI MỞ ĐẦU

Kể từ khi đại dịch COVID-19 xuất hiện lần đầu tiên tại Việt Nam từ cuối tháng 2 năm 2020, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra những biện pháp quyết liệt nhằm phòng tránh lây lan dịch bệnh, được đánh dấu mạnh mẽ nhất qua giai đoạn giãn cách xã hội trong tháng 04/2020. Đi kèm với những lệnh cấm về di chuyển, vận chuyển hàng hoá và con người, tụ tập đông người, giai đoạn giãn cách xã hội và ảnh hưởng chung của dịch COVID-19 đã để lại nhiều tác động tiêu cực tới đời sống kinh tế-văn hoá-xã hội của người dân. Trong bức tranh đó, cộng đồng dân tộc thiểu số- những người thường sống gần khu vực biên giới và những người có xu hướng di cư tìm việc làm tại thành thị trong thời gian ngắn, ít được nhắc đến và hiện diện. Cuộc sống của họ bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp bởi đại dịch ra sao, họ đã ứng phó như thế nào, và liệu rằng những nhu cầu của họ đã được lắng nghe và ghi nhận? Nhận thấy sự thiếu vắng của những thông tin đó, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường đã thực hiện nghiên cứu chuyên đề Tác động của COVID-19 tới cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam với hai nghiên cứu độc lập: Nghiên cứu về cộng đồng di cư thành thị và Nghiên cứu đánh giá nhanh tại ba cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ.

Hai nghiên cứu sử dụng hai cách tiếp cận khác nhau tới các cộng đồng dân tộc thiểu số khác nhau. Trong khi nghiên cứu về người di cư thành thị thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng với công cụ phỏng vấn sâu và, quan sát có sự tham gia để có thể hiểu cụ thể và chi tiết đời sống của những người lao động di cư, nghiên cứu với cộng đồng tại chỗ được thực hiện bằng phương pháp Điều tra trực tuyến qua nền tảng Google Form, kết hợp với Thảo luận nhóm qua hình thức gọi điện hình ảnh qua Internet. Đặc biệt, nghiên cứu này có sự hợp tác với thành viên của Mạng lưới Tiên phong- vì tiếng nói dân tộc thiểu số Việt Nam trong việc thu thập số liệu tại địa bàn, khuếch tán mạnh hơn tiếng nói của người trong cuộc.

Cả hai nghiên cứu đều chỉ ra những tác động không nhỏ tới mọi mặt đời sống của cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam. Không chỉ ảnh hưởng về kinh tế, COVID-19 tác động đến mọi mặt cuộc sống của các cộng đồng dân tộc thiểu số: từ ảnh hưởng về an ninh lương thực, sinh kế, thực hiện những hoạt động chăm sóc sức khoẻ định kỳ (tiêm chủng, khám thai, nhận thuốc cho những người bị bệnh mãn tính, v.v), tới ảnh hưởng lên đời sống văn hoá tín ngưỡng, giáo dục, gia tăng nợ và các khoản vay tín dụng khác. Về mặt sinh kế, người di cư từ một cá nhân độc lập, là nguồn thu nhập chính và có khả năng chu cấp tiền về cho gia đình trở thành những người phụ thuộc vào đời sống nông nghiệp, quỹ đất và khả năng tích trữ lương thực của gia đình.

Trước hoàn cảnh này, các hộ gia đình có những chiến lược thích nghi khác nhau. Hầu hết các hộ gia đình lựa chọn ứng phó với hoàn cảnh tức thời bằng cách cắt giảm chi tiêu, khẩu phần ăn uống, dựa vào sự giúp đỡ của họ hàng, người thân, và cộng đồng làng xóm để giải quyết các khó khăn trước mắt. Ở nghiên cứu cộng đồng di cư, thông tin chi tiết hơn chỉ ra rằng có gia đình sẽ giảm lượng thức ăn của gia súc, gia cầm xuống vì trong mùa dịch không bán được lợn, gà, bò. Có gia đình vay phân bón, giống mùa vụ (ngô, lúa) từ chính quyền xã và hàng tạp hóa tại địa phương với mức vay là vay 1 trả 3, trả sau khi thu hoạch. Điều đáng nói là, khi một điều bất trắc như dịch bệnh xảy ra, những gia đình có khả năng sản xuất lương thực để tự cung ứng chịu ảnh hưởng ít hơn gia đình phụ thuộc vào cây công nghiệp hoặc thị trường. Tương tự, lối sống truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số, cụ thể là cách thức vận hành và tổ chức cộng đồng theo nền kinh tế duy tình- hệ thống đảm bảo một mạng lưới an toàn cho cộng đồng mà không đòi hỏi những tính toán duy lý thông thường, thông qua những hoạt động trao đổi, vay, khất nợ, giúp đỡ qua lại giữa anh em họ hàng, chần nào giúp hoá giải những khó khăn tức thời xảy đến với các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Đạt tập với cộng đồng tại chỗ, đa tập tại các tỉnh thành phố, người lao động di cư nhận được tập tại quê hương mùa sinh hoạt vì tạm nghỉ. Trong khi đó, người di cư với những mối quan hệ ít ỏi tại nơi xa nhà trở nên ít ỏi hơn khi đa phần người đồng hương, đồng tộc đều trở về quê. Trước những khó khăn tiềm tàng trong thời gian cách ly như dịch bệnh và thu nhập giảm, sự đơn lẻ này khiến tình cảnh bấp bênh của người di cư càng trở nên bấp bênh hơn.

Trong các mối quan hệ với gia đình và cộng đồng, giai đoạn giãn cách xã hội tạo ra nhiều thời gian ở nhà cho người dân hơn, về mặt tình cảm gia đình, tình cảm giữa cha mẹ và con cái, tình cảm vợ chồng trong các hộ gia đình tham gia nghiên cứu đều có xu hướng nhận định thay đổi tốt hơn, đặc biệt với những hộ gia đình có người thân đi làm ăn ở xa. **Trong khi đó, người di cư trở về quê gặp những phản ứng tiêu cực từ cộng đồng.** Cách truyền thông tin một chiều như sử dụng loa lưu động chạy khắp thôn để đọc về cách phòng tránh dịch bệnh và tình hình dịch bệnh cũng như diễn ngôn “chống dịch như chống giặc” đã cung cấp sự cảnh giác lớn dành cho cộng đồng, dẫn đến cách cộng đồng tiếp xúc với những người bị nghi ngờ không còn là tiếp xúc như dịch bệnh, mà là một mối nguy hại chung chung, mơ hồ. Trong hoàn cảnh này, những người có khả năng tiếp cận thông tin đa chiều, nguồn tin được kiểm chứng giúp người dân tự tin hơn và giúp đời sống ổn định hơn trong thời gian cách ly.

Khi nói về nhu cầu hỗ trợ nhằm khắc phục ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhu cầu hỗ trợ cụ thể tập trung vào: hình thức hỗ trợ tài chính (ví dụ hỗ trợ tiền mặt, vay vốn, giảm lãi suất) (89.3%), hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm (80.6%), hỗ trợ công cụ, phương tiện sản xuất (79.1%), hỗ trợ thị trường, kết nối thị trường (65.8%). Trên thực tế, các gói hỗ trợ xã hội trong thời gian này kịp thời tới những nhóm đối tượng dễ chịu tác động bởi đại dịch COVID-19, tuy nhiên cách hỗ trợ khiến những người được phỏng vấn không được nhận hoặc từ chối không nhận các hỗ trợ.

Trước thực tế được khắc họa thông qua tiếng nói của người trong cuộc ở hai nghiên cứu, báo cáo chuyên đề này muốn truyền đạt một số khuyến nghị về nhóm hành động tức thời và nhóm hành động lâu dài:

Nhóm hành động/Hỗ trợ tức thời

- Với các hộ gia đình gặp vấn đề về an sinh lương thực/thực phẩm, có thể có những khoản hỗ trợ tiền mặt/hiện vật nhằm vượt qua khó khăn tức thời, để đảm bảo cuộc sống sớm quay trở lại trạng thái bình thường.
- Tạo ra các phương thức tiếp cận vốn vay ưu đãi, hỗ trợ giảm lãi suất cho các hộ kinh doanh vừa và nhỏ.
- Thu thập những câu chuyện, lời kể về sự tương trợ lẫn nhau trong giai đoạn COVID-19, đóng góp vào bức tranh tổng thể trong các hỗ trợ từ Chính phủ, các đoàn thể, các tổ chức, cá nhân.

Nhóm hành động/hỗ trợ lâu dài

- Rà soát lại các chương trình, hoạch định nông lâm nghiệp với tiêu chí về an ninh lương thực, an sinh xã hội được đặt lên hàng đầu.
- Hỗ trợ chuẩn bị ứng phó với các tình huống khẩn cấp thông qua đa dạng hoá nguồn thu nhập, các hình thức dự phòng về kinh tế, y tế, sinh kế.
- Thiết lập những mạng lưới, tăng cường kết nối cộng đồng nhằm chia sẻ thông tin, hỗ trợ lẫn nhau phát triển kinh tế và trong các tình huống khẩn cấp.
- Tổng hợp và chia sẻ các bài học kinh nghiệm, các câu chuyện ứng phó thành công với dịch bệnh.

MỤC LỤC

ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA MỘT SỐ CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

1. Giới thiệu	8
2. Phương pháp nghiên cứu	8
3. Kết quả Nghiên cứu	9
3.1 Đặc điểm Mẫu nghiên cứu.....	9
3.2 Ảnh hưởng của NCOVI đến đời sống các cộng đồng dân tộc thiểu số	14
3.3 Ứng phó với ảnh hưởng của giãn cách xã hội.....	21
3.4 Hoạt động giải trí, thực hành văn hoá trong giai đoạn giãn cách xã hội	23
3.5 Cảm nhận về Tác động của các Ảnh hưởng bởi Dịch Covid-19 và Giãn cách Xã hội đến Đời sống Gia đình	24
3.6 Cuộc sống sau giãn cách xã hội và kết thúc dịch covid-19	29
<i>Những lo ngại cho cuộc sống sau dịch covid-19</i>	29
<i>Nhu cầu hỗ trợ</i>	30
<i>Ưu tiên hỗ trợ</i>	34
4. Kết luận chung và Một số khuyến nghị từ phát hiện nghiên cứu	35
4.1 Kết luận.....	35
4.2 Một số khuyến nghị hành động rút ra từ phát hiện nghiên cứu	37

TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 TỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ THÀNH THỊ

I. Giới thiệu nghiên cứu	39
1. Lý do thực hiện nghiên cứu	39
2. Hướng tiếp cận nghiên cứu	39
3. Khái niệm chính trong nghiên cứu.....	40
4. Quá trình thực hiện nghiên cứu	40
II. Kết quả nghiên cứu	43

1. Tác động của dịch bệnh COVID-19 về sinh kế	43
2. Tác động từ các gói hỗ trợ xã hội	47
3. Về liên kết xã hội	50
4. Kết luận, khuyến nghị	57

PHÁT HIỆN CHÍNH TỪ NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ NHANH

ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA MỘT SỐ CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

Vũ Thành Long, iSEE, Mạng lưới Tiên phong Việt Nam - 2020

Danh sách bảng và biểu đồ

<i>Bảng 1: Đặc điểm Nhân khẩu - Xã hội của Mẫu nghiên cứu theo Địa bàn</i>	9
<i>Bảng 2: Đặc điểm nguồn thu nhập của hộ gia đình theo địa bàn</i>	12
<i>Bảng 3: Đặc điểm các nguồn lực kinh tế, đất đai, tiết kiệm hộ gia đình theo địa bàn</i>	14
<i>Bảng 4: Ảnh hưởng bởi NCOVI đến đời sống của người dân theo địa bàn</i>	15
<i>Bảng 5: Tương quan giữa mức độ bị ảnh hưởng của ncovi với nguồn lực của hộ gia đình</i>	19
<i>Bảng 6: Cảm nhận tác động đến đời sống tình cảm của hộ gia đình, quan hệ cộng đồng theo địa bàn</i>	24
<i>Bảng 7: Cảm nhận tác động đến tình cảm gia đình và quan hệ cộng đồng theo mức độ bị ảnh hưởng bởi ncovi</i>	27
<i>Bảng 8: Nhu cầu hỗ trợ theo địa bàn</i>	31
<i>Bảng 9: Tương quan giữa nhu cầu hỗ trợ với các đặc điểm của hộ gia đình</i>	31

<i>Biểu đồ 1: Đặc điểm thành viên hộ gia đình theo địa bàn</i>	11
<i>Biểu đồ 2: Đặc điểm thu nhập hộ gia đình theo địa bàn</i>	13
<i>Biểu đồ 3: Phản ứng với ảnh hưởng của dịch covid-19 và giãn cách xã hội</i>	21
<i>Biểu đồ 4: Những hỗ trợ đã nhận được trong giai đoạn giãn cách</i>	22
<i>Biểu đồ 5: Hoạt động giải trí, thực hành văn hoá trong giai đoạn giãn cách xã hội</i>	23
<i>Biểu đồ 6: Những lo ngại cho tương lai sau dịch</i>	30
<i>Biểu đồ 7: Đối tượng cần ưu tiên hỗ trợ</i>	34

1. Giới thiệu

Nghiên cứu đánh giá nhanh về "Ảnh hưởng của dịch COVID-19 lên đời sống của cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam" được khởi xướng bởi Viện Nghiên cứu Kinh tế Xã hội và Môi trường (iSEE) với sự hợp tác của thành viên Mạng lưới Tiên Phong Việt Nam trong khuôn khổ dự án "Quyền đất đai – Bài học từ luật tục". Nghiên cứu được lên ý tưởng và triển khai thực hiện từ giữa thời điểm Việt Nam thực hiện giãn cách xã hội, trong khuôn khổ nỗ lực quốc gia phòng chống dịch Covid-19.

Mục đích chính của nghiên cứu bao gồm tổng hợp những khó khăn, vấn đề gây nên bởi dịch bệnh, hay những ảnh hưởng mà các cộng đồng người dân tộc thiểu số trải nghiệm trong giai đoạn giãn cách xã hội. Bên cạnh đó, nghiên cứu tìm hiểu cách thức các cộng đồng dân tộc thiểu số ứng phó và vượt qua những ảnh hưởng đó, đồng thời thăm dò nhu cầu của cộng đồng với những hỗ trợ cần thiết để vượt qua những khó khăn do dịch bệnh gây ra.

Nghiên cứu được triển khai và tài trợ bởi iSEE với sự điều phối của nhóm Tiên Phong, hoàn thiện trong tháng 6 năm 2020.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành dựa trên kết hợp giữa hai phương pháp chủ đạo: Điều tra trực tuyến trên nền tảng công cụ Google Form, và Thảo luận nhóm thông qua hình thức gọi điện hình ảnh qua Internet (Video Call).

Việc thiết kế nội dung công cụ điều tra trực tuyến được tiến hành dựa trên tổng hợp kết quả của 03 buổi thảo luận nhóm qua video call với thành viên của nhóm Tiên Phong tại các tỉnh tham gia dự án "Quyền đất đai – Bài học từ luật tục", nhằm thăm dò về những vấn đề nổi cộm, những nhu cầu cấp thiết, hay những tình huống đặc biệt xảy ra tại các cộng đồng dân tộc thiểu số trong giai đoạn giãn cách xã hội.

Tại mỗi địa bàn tham gia dự án, nghiên cứu ước tính tiếp cận khoảng 60 người tham gia trả lời bảng hỏi trực tuyến, với giả định nhóm dân cư trong cộng đồng khoảng 300 nghìn người, mức độ tin cậy 95%, và khoảng tin cậy là 12.6.

Sau thời gian thu nhập số liệu, bộ số liệu được làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS. Báo cáo chủ yếu sử dụng các phân tích mô tả, một số chủ đề cần thiết sẽ trình bày các phân tích so sánh (giữa các địa bàn dự án, hoặc giữa các nhóm đặc thù), và một số các tương quan có ý nghĩa hoặc nhóm nghiên cứu nhận thấy quan trọng và có ý nghĩa cho dự án.

3. Kết quả Nghiên cứu

3.1 Đặc điểm Mẫu nghiên cứu

Đặc điểm nhân khẩu - xã hội của mẫu tham gia nghiên cứu:

Mẫu nghiên cứu cuối cùng đưa vào phân tích bao gồm 224 bản ghi hoàn thiện. Trong số 224 người tham gia, có 67 người hiện sống tại Đắk Lắk, 50 người tại Điện Biên, 67 người tại Quảng Trị, và 40 người từ các tỉnh/thành phố khác. Khi xét theo nhóm dân tộc, có thể nhận thấy, đa phần người tham gia ở Đắk Lắk thuộc nhóm dân tộc Ê đê (97%), toàn bộ người tham gia tại Điện Biên là người Thái, và hầu hết người tham gia ở Quảng Trị thuộc nhóm dân tộc Bru-Vân Kiều. Do 40 người sống tại các tỉnh/thành phố khác thuộc nhiều nhóm dân tộc khác nhau nên sẽ bị loại khỏi những phân tích so sánh giữa các vùng, do vậy báo cáo sẽ tập trung kể câu chuyện của người Ê đê ở Đắk Lắk, người Thái ở Điện Biên và người Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị. Tuy nhiên, với những phân tích mô tả, tổng hợp chung của toàn bộ mẫu nghiên cứu, nhóm sống tại các tỉnh/thành khác vẫn được đưa vào phân tích.

Tuổi trung bình của người tham gia trong nghiên cứu này là hơn 41 tuổi, tuổi trung bình của người tham gia ở Đắk Lắk là 47, cao hơn so với ở Điện Biên (41 tuổi) và Quảng Trị (41 tuổi). Hầu hết sống tại các địa bàn nông thôn (83.9%), tỷ lệ nhỏ còn lại sống tại các thị trấn/thị xã (10.3%), hoặc khu vực đô thị (5.8%). Khi xét theo địa bàn, 100% mẫu nghiên cứu ở Quảng Trị sống tại các vùng nông thôn, trong khi ở Đắk Lắk có 28.4% sống tại thị trấn thị xã và số còn lại (71.6%) sống tại nông thôn. Đa phần (92.9%) người tham gia là người địa phương, Chỉ có một tỷ lệ nhỏ số người tham gia cho biết họ đang học tập/làm việc tại địa phương khác và trở về quê trong thời gian dịch covid-19 (4%), hoặc không trở về quê trong thời gian này (3.1%). Tuy nhiên khi xét theo địa bàn, tỷ lệ những người xa xứ chủ yếu rơi vào nhóm các tỉnh/thành khác, trong khi ở ba địa bàn Đắk Lắk, Điện Biên, và Quảng Trị hầu như không có người đi học/làm ở xa. 83% người tham gia hiện đang kết hôn hoặc sống chung, 15.2% độc thân, và 1.8% cho biết hiện đang ly thân/ly hôn.

Bảng 1: Đặc điểm Nhân khẩu - Xã hội của Mẫu nghiên cứu theo Địa bàn

	Đắk Lắk	Điện Biên	Quảng Trị	Khác	Chung
	N=67	N=50	N=67	N=40	N=224

Giới tính

Nam	64.2%	62.0%	86.6%	47.5%	67.4%
Nữ	35.8%	38.0%	13.4%	52.5%	32.6%
Tuổi trung bình	47.03	44.08	41.075	30.6	41.656
	sd=15.4	sd=14.2	sd=14.7	sd=9.2	sd=15.0
Nhóm Dưới 24	4.5%	8.0%	11.9%	25.0%	11.2%
25-49	52.2%	62.0%	62.7%	70.0%	60.7%
50 trở lên	43.3%	30.0%	25.4%	5.0%	28.1%
Dân tộc					
Thái	0.0%	100.0%	0.0%	2.5%	22.8%
Ê đê	97.0%	0.0%	0.0%	0.0%	29.0%
Bru - Vân Kiều	0.0%	0.0%	98.5%	0.0%	29.5%
Khác	3.0%	0.0%	1.5%	97.5%	18.8%
Địa bàn					
Nông thôn	71.6%	80.0%	100.0%	82.5%	83.9%
Thị trấn/thị xã	28.4%	6.0%	0.0%	2.5%	10.3%
Thành thị/đô thị	0.0%	14.0%	0.0%	15.0%	5.8%
Tình trạng hôn nhân					
Kết hôn/sống chung	89.6%	84.0%	94.0%	52.5%	83.0%
Ly thân/ly hôn	0.0%	4.0%	3.0%	0.0%	1.8%
Độc thân	10.4%	12.0%	3.0%	47.5%	15.2%
Tình trạng di cư					
Là người địa phương	98.5%	94.0%	100.0%	70.0%	92.9%
Đi học/làm ở nơi khác, CÓ về quê trong thời gian dịch	0.0%	4.0%	0.0%	17.5%	4.0%

Đi học/làm xa, KHÔNG về quê

trong thời gian dịch

1.5%

2.0%

0.0%

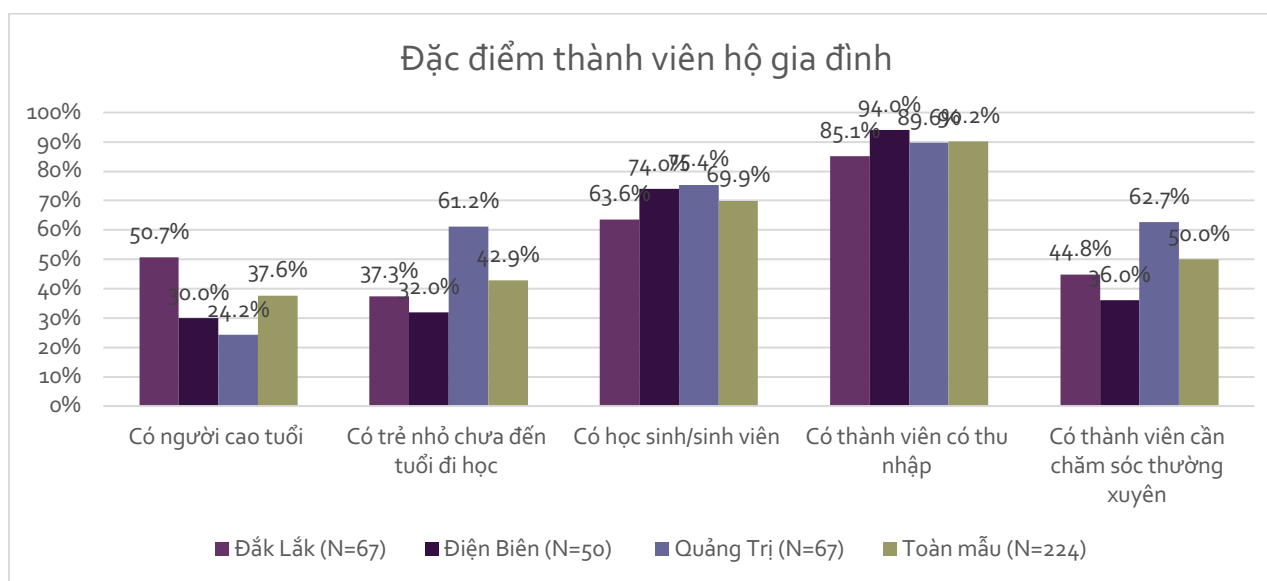
12.5%

3.1%

Hộ gia đình của người tham gia trong nghiên cứu trung bình có 5 thành viên, không có khác biệt đáng kể giữa các địa bàn. Trên toàn mẫu, một nửa số hộ tham gia cho biết hộ gia đình của họ có thành viên cần chăm sóc thường xuyên, tỷ lệ này ở Quảng Trị (62.7%) cao hơn đáng kể so với ở hai địa bàn còn lại, 44.5% ở Đắc Lắc và 36% ở Điện Biên. 90.2% hộ gia đình có thành viên có thu nhập, không có khác biệt đáng kể giữa các địa bàn. Chi tiết về đặc điểm thành viên hộ gia đình xem thêm tại biểu đồ 1.

33.5% số người tham gia cho biết hộ gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo, 11.6% thuộc diện cận nghèo. Khi xét theo địa bàn, tỷ lệ hộ nghèo ở Quảng Trị (67.2%) cao hơn đáng kể so với ở Đắc Lắc (34.3%) và Điện Biên (6%). Điện Biên là địa bàn có người tham gia thuộc hộ gia đình không thuộc diện chính sách cao nhất (78%), hơn đáng kể so với Đắc Lắc (53%) và Quảng Trị (22.4%).

Biểu đồ 1: Đặc điểm thành viên hộ gia đình theo địa bàn



Đặc điểm về kinh tế của hộ gia đình

Chỉ có 10.4% hộ gia đình ở Đắc Lắc và 16.4% ở Quảng Trị cho biết hộ gia đình của họ có nguồn thu nhập ổn định và thường xuyên, thấp hơn đáng kể so với ở Điện Biên (44%).

Khi xét theo số nguồn thu nhập của hộ gia đình, có thể nhận thấy ở Đắc Lắc và Điện Biên các hộ gia đình có nhiều nguồn thu nhập hơn đáng kể so với ở Quảng Trị. Ở Đắc Lắc, nguồn thu nhập hộ gia đình chủ yếu đến từ nông lâm nghiệp (26.5%), hoặc từ hoạt động làm thuê theo thời vụ (43.6%). Trong khi ở Điện Biên, thu nhập hộ gia đình chủ yếu đến từ sản xuất kinh doanh, dịch vụ gia đình (45.5%), hoặc tiền lương cố định (41.2%). Ở Quảng Trị, do có một tỷ lệ đáng kể hộ gia đình được nhận hỗ trợ dành cho trẻ khuyết tật thông qua một dự án phi chính phủ, đồng thời, một tỷ lệ cao số hộ gia đình trong địa bàn thuộc diện

chịu ảnh hưởng của chất độc màu da cam và được nhận trợ cấp; do vậy, có 53.3% cho biết có nguồn thu nhập từ trợ cấp, cao hơn đáng kể so với hai địa bàn còn lại. Chi tiết xem thêm tại bảng 2 và biểu đồ 2.

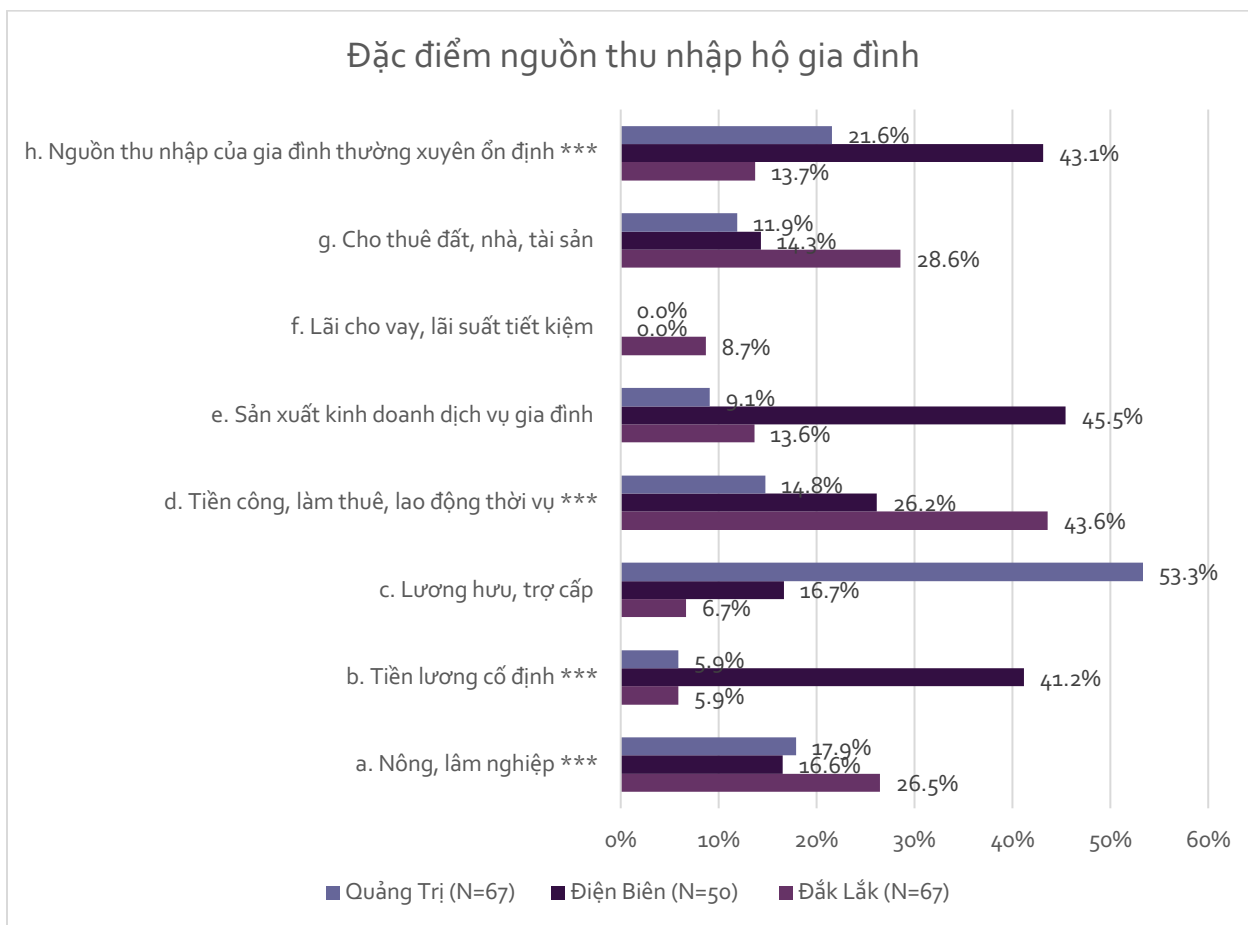
Bảng 2: Đặc điểm nguồn thu nhập của hộ gia đình theo địa bàn

	Đắk (N=67)	Lắk (N=50)	Điện Biên (N=67)
Nguồn thu nhập ổn định và thường xuyên ***	10.4%	44.0%	16.4%
Số nguồn thu nhập của hộ gia đình¹ ***			
Không có nguồn nào	1.5%	0.0%	13.4%
1 nguồn	10.4%	14.0%	53.7%
2 nguồn	76.1%	60.0%	22.4%
3 nguồn	9.0%	20.0%	9.0%
4 nguồn	3.0%	6.0%	1.5%

***: Chi bình phương $p < 0.001$

¹ Những nguồn thu nhập được liệt kê bao gồm: Thu nhập từ hoạt động nông, lâm nghiệp; Tiền lương cố định, Lương hưu/trợ cấp; Tiền công, làm thuê, lao động thời vụ; Sản xuất kinh doanh dịch vụ gia đình; Lãi cho vay, lãi suất tiết kiệm; Cho thuê đất, nhà, tài sản

Biểu đồ 2: Đặc điểm thu nhập hộ gia đình theo địa bàn



Có thể nhận thấy các hộ gia đình ở Điện Biên có nguồn lực kinh tế đảm bảo an sinh hơn đáng kể so với ở hai địa bàn còn lại, các hộ gia đình ở Đắk Lắk dường như có ít các nguồn lực đảm bảo an sinh cho các tình huống khẩn cấp hơn cả.

80% hộ gia đình người tham gia ở Điện Biên có vườn rau/củ hoặc ao thả cá, so với ở Đắk Lắk là 19.4% và ở Quảng Trị chỉ 3%. Đa số hộ gia đình ở Điện Biên (84%) và Quảng Trị (79.1%) có chăn nuôi gia cầm, trong khi tỷ lệ này ở Đắk Lắk thấp hơn đáng kể (10.4%). Tỷ lệ sở hữu đất nông nghiệp, đất rừng ở Quảng Trị (79.1%) và Điện Biên (74%) cũng cao hơn đáng kể so với ở Đắk Lắk (28.4%). Cần lưu ý rằng, ở Quảng Trị, đa phần người dân không thật sự "sở hữu" đất rừng/đất nông nghiệp mà họ thuê khoán đất canh tác tại các khu vực gần biên giới với Lào, vị trí của những mảnh đất này thường khá xa nơi ở của họ.

Các hộ gia đình ở Quảng Trị (97%) và Điện Biên (90%) có tỷ lệ tích trữ gạo/lương thực cao hơn đáng kể so với ở Đắk Lắk (52.2%). 64% hộ gia đình ở Điện Biên cho biết họ có tiết kiệm dự phòng, cao hơn đáng kể so với ở Quảng Trị (34.3%) và ở Đắk Lắk (31.3%). Để hiểu rõ hơn về bản chất của việc tích trữ gạo/lương thực, giải sự khác biệt giữa các vùng miền có thể dựa vào thực tế hiện trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở các địa phương. Thông thường, việc tích trữ lương thực/thực phẩm không dựa trên việc mua sản phẩm để tích trữ, mà dựa trên việc lưu giữ lại sản phẩm nông nghiệp tự sản xuất của hộ gia đình. Ở Đắk Lắk, sở dĩ tỷ lệ tích trữ lương thực/thực phẩm thấp là do đặc thù sinh kế của họ phụ thuộc vào việc trồng rừng, cây dài ngày (như cao su, cà phê), đồng thời sản lượng ở đây cũng không cao.

(Xem chi tiết về các nguồn lực kinh tế, đất đai, tiết kiệm hộ gia đình tại Bảng 3)

Bảng 3: Đặc điểm các nguồn lực kinh tế, đất đai, tiết kiệm hộ gia đình theo địa bàn

	Đắk (N=67)	Lắk (N=50)	Điện (N=50)	Biên (N=50)	Quảng (N=67)	Trị (N=67)	Toàn mẫu (n- 224)
a. Có vườn rau/củ, hoặc ao thả cá***	19.4%		80.0%		3.0%		33.9%
b. Có nuôi gia cầm***	10.4%		84.0%		79.1%		58.5%
c. Có chăn nuôi gia súc	25.4%		38.0%		35.8%		33.5%
d. Nhà gần chợ/hàng bán lương thực, thực phẩm***	74.6%		74.0%		3.0%		48.7%
e. Nhà gần hiệu thuốc/nhà thuốc ***	89.6%		74.0%		43.3%		65.6%
f. Gia đình có tích trữ gạo/lương thực***	52.2%		90.0%		97.0%		74.6%
g. Có tiết kiệm dự phòng**	31.3%		64.0%		34.3%		39.7%
h. Gia đình phải thuê/mượn đất/nhà để sinh sống	1.5%		6.0%		13.4%		7.1%
i. Gia đình có sở hữu đất nông nghiệp, đất rừng***	28.4%		74.0%		79.1%		60.7%

***: Chi bình phương $p < 0.001$

3.2 Ảnh hưởng của NCOVI đến đời sống các cộng đồng dân tộc thiểu số

Tổng hợp các hình thức ảnh hưởng của giai đoạn giãn cách xã hội do dịch Covid-19 gây ra, bao gồm 19 nhóm vấn đề khác nhau cho thấy: Đắk Lắk là địa bàn có tỷ lệ hộ gia đình chịu ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội cao hơn cả (32.8% thuộc nhóm chịu ảnh hưởng phần nào, 3% thuộc nhóm ảnh hưởng nặng nề), trong khi Điện Biên là địa bàn cho biết ít chịu ảnh hưởng nhất (chỉ có 12% thuộc nhóm chịu ảnh hưởng phần nào)². Khi xét theo mức độ ảnh hưởng, kết quả phân tích cho thấy mức độ ảnh hưởng ở Đắk Lắk là trầm trọng nhất, tiếp đó đến Quảng Trị rồi đến Điện Biên.

Khi xét cụ thể theo từng vấn đề, có thể nhận thấy sự khác biệt giữa các địa bàn khá rõ rệt:

Tỷ lệ cho biết bị thiếu lương thực/thực phẩm ở Điện Biên thấp hơn đáng kể so với hai địa bàn còn lại. Điều này thích hợp với phân tích bên trên chỉ ra tỷ lệ tiết kiệm dự phòng và dự trữ lương thực/thực phẩm ở Điện Biên cao hơn đáng kể so với Đắk Lắk và Quảng Trị. Trong khi đó, có rất nhiều hộ gia đình ở Đắk Lắk (73.1% vài lần, 9% thường xuyên) và Quảng Trị (79.1% vài lần,

² Thang đo về mức độ tác động của giãn cách xã hội được tính giá trị từ 19 - 57 với ý nghĩa từ ít gặp vấn đề nhất đến gặp nhiều vấn đề/thường xuyên nhất. Phân tích dựa theo 3 nhóm: nhóm gặp ít vấn đề/chịu ít ảnh hưởng (19- 31), nhóm gặp một số vấn đề/có chịu ảnh hưởng phần nào (32 - 45) và nhóm gặp nhiều vấn đề/chịu ảnh hưởng nặng (46-57).

3% thường xuyên) cho biết gặp phải tình huống thiếu lương thực, thực phẩm trong giai đoạn giãn cách xã hội. Như trong chia sẻ của một người dân ở Quảng Trị”

“Đối với địa bàn của anh ảnh hưởng tới kinh tế rất lớn vì các hộ gia đình đều sang trồng ở Bến Lào, bí dịch như này ko thể qua nên thiệt hại rất nhiều và là giá gạo và thịt lợn lại tăng cao, người dân chả dám mua ăn”
(anh O, Quảng Trị)

Tương tự như trên, cũng có thể giải thích bởi nguồn lực dự trữ sẵn có tại các hộ gia đình, với các vấn đề như "thiếu thuốc men, dụng cụ y tế chăm sóc cho người ốm", phải "vay tiền để chi trả chi phí sinh hoạt", có thể nhận thấy tỷ lệ gặp phải ở Điện Biên cũng thấp hơn đáng kể so với Đắk Lắk và Quảng Trị.

Những ảnh hưởng về thu nhập hộ gia đình cũng được ghi nhận khác biệt ở các địa bàn: Ở Quảng Trị và Đắk Lắk tỷ lệ hộ gia đình có người bị mất việc làm, bị ngừng trệ việc sản xuất/kinh doanh trong giai đoạn dịch covid-19 cao hơn đáng kể so với ở Điện Biên.

Tuy nhiên, ở Điện Biên, tỷ lệ hộ gia đình gặp phải vấn đề bị chậm trả lương, chậm thanh toán hàng hoá/dịch vụ đã bán cao hơn đáng kể so với hai địa bàn còn lại.

Nhiều hộ gia đình ở Đắk Lắk và Quảng Trị rơi vào hoàn cảnh không thể trả nợ các khoản vay, trong khi đây không phải là vấn đề xảy ra ở Điện Biên.

Xem thêm ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng cụ thể ở từng địa bàn tại bảng 4

Bảng 4: Ảnh hưởng bởi NCOVI đến đời sống của người dân theo địa bàn

	Đắk Lắk (N=67)	Điện Biên (N=50)	Quảng Trị (N=67)	Toàn mẫu (n=224)
Bị thiếu lương thực, thực phẩm (không đủ ăn)***				
Không xảy ra	17.9%	58.0%	14.9%	33.0%
Có xảy ra một vài lần	73.1%	40.0%	82.1%	61.2%
thường xuyên	9.0%	2.0%	3.0%	5.8%
Thiếu thuốc men, dụng cụ y tế chăm sóc cho người ốm***				
Không xảy ra	29.9%	52.0%	4.5%	34.4%
Có xảy ra một vài lần	67.2%	44.0%	79.1%	58.5%
thường xuyên	3.0%	4.0%	16.4%	7.1%
Cãi vã, mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình***				
Không xảy ra	79.1%	82.0%	97.0%	80.4%

Có xảy ra một vài lần	19.4%	18.0%	3.0%	18.8%
thường xuyên	1.5%	0.0%	0.0%	0.9%
Thành viên bị bệnh/tai nạn nhưng không thể chữa trị/điều trị đúng và đủ**				
Không xảy ra	76.1%	76.0%	95.5%	84.8%
Có xảy ra một vài lần	19.4%	22.0%	1.5%	12.1%
thường xuyên	4.5%	2.0%	3.0%	3.1%
Thành viên bị mất việc làm***				
Không xảy ra	13.4%	38.0%	3.0%	18.8%
Có xảy ra một vài lần	62.7%	58.0%	94.0%	64.7%
thường xuyên	23.9%	4.0%	3.0%	16.5%
Bị chậm trả lương, thanh toán tiền cho hàng hoá/dịch vụ đã bán***				
Không xảy ra	65.7%	58.0%	91.0%	70.1%
Có xảy ra một vài lần	26.9%	42.0%	9.0%	25.0%
thường xuyên	7.5%	0.0%	0.0%	4.9%
Không thực hiện được những hoạt động chăm sóc sức khoẻ định kỳ (khám thai, tiêm chủng, nhận thuốc cho những người bị bệnh mãn tính, v.v...)				
Không xảy ra	58.2%	72.0%	61.2%	62.1%
Có xảy ra một vài lần	35.8%	26.0%	34.3%	32.1%
thường xuyên	6.0%	2.0%	4.5%	5.8%
Không sản xuất, kinh doanh được khiến ảnh hưởng thu nhập***				
Không xảy ra	43.3%	60.0%	20.9%	39.7%
Có xảy ra một vài lần	41.8%	40.0%	61.2%	45.5%
thường xuyên	14.9%	0.0%	17.9%	14.7%
Phải hoãn/hủy các công việc gia đình như giỗ chạp, cưới hỏi, kỷ niệm***				
Không xảy ra	68.7%	82.0%	83.6%	73.2%

Có xảy ra một vài lần	28.4%	16.0%	14.9%	21.9%
thường xuyên	3.0%	2.0%	1.5%	4.9%
Không thực hành được tín ngưỡng/tôn giáo, các hoạt động văn hoá của dân tộc***				
Không xảy ra	80.6%	80.0%	80.6%	72.8%
Có xảy ra một vài lần	17.9%	16.0%	3.0%	15.6%
thường xuyên	1.5%	4.0%	16.4%	11.6%
Bị trộm/cắp tài sản, tiền, thú nuôi***				
Không xảy ra	68.7%	96.0%	97.0%	84.4%
Có xảy ra một vài lần	6.0%	4.0%	3.0%	5.8%
thường xuyên	25.4%	0.0%	0.0%	9.8%
Phải vay tiền để chi trả cho sinh hoạt phí của gia đình***				
Không xảy ra	35.8%	86.0%	25.4%	45.1%
Có xảy ra một vài lần	56.7%	12.0%	73.1%	48.2%
thường xuyên	7.5%	2.0%	1.5%	6.7%
Không thể trả nợ, trả lãi các khoản vay***				
Không xảy ra	40.3%	100.0%	23.9%	47.8%
Có xảy ra một vài lần	46.3%	0.0%	59.7%	39.3%
thường xuyên	13.4%	0.0%	16.4%	12.9%
Gia đình bị nhòem ngó, kỳ thị và phân biệt đối xử do có người về từ vùng dịch***				
Không xảy ra	77.6%	98.0%	100.0%	89.3%
Có xảy ra một vài lần	19.4%	2.0%	0.0%	7.6%
thường xuyên	3.0%	0.0%	0.0%	3.1%
Không tiêu thụ được sản phẩm nông nghiệp***				
Không xảy ra	50.7%	72.0%	16.4%	43.3%

Có xảy ra một vài lần	38.8%	28.0%	82.1%	48.2%
thường xuyên	10.4%	0.0%	1.5%	8.5%
Con/cháu trong nhà chênh mảng việc học***				
Không xảy ra	55.2%	44.0%	47.8%	47.3%
Có xảy ra một vài lần	22.4%	46.0%	50.7%	38.8%
thường xuyên	22.4%	10.0%	1.5%	13.8%
Không có đủ điều kiện, phương tiện để con em học tại nhà (mạng internet, máy tính, điện thoại thông minh, vv...)***				
Không xảy ra	44.8%	56.0%	19.4%	41.5%
Có xảy ra một vài lần	25.4%	18.0%	26.9%	21.9%
thường xuyên	29.9%	26.0%	53.7%	36.6%
Bị thiếu chỗ ở cho cả gia đình, mất chỗ ở***				
Không xảy ra	74.6%	98.0%	97.0%	89.7%
Có xảy ra một vài lần	17.9%	2.0%	1.5%	6.3%
thường xuyên	7.5%	0.0%	1.5%	4.0%
Cảm thấy lo lắng, hoang mang, sợ hãi khiến ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh hoạt hàng ngày***				
Không xảy ra	44.8%	58.0%	28.4%	41.1%
Có xảy ra một vài lần	29.9%	36.0%	71.6%	46.0%
thường xuyên	25.4%	6.0%	0.0%	12.9%
Tổng hợp ảnh hưởng của dịch đến đời sống				
Nhóm ít bị ảnh hưởng	64.2%	88.0%	79.1%	71.4%
Nhóm có bị ảnh hưởng phần nào	32.8%	12.0%	20.9%	27.7%
Nhóm ảnh hưởng nặng	3.0%	0.0%	0.0%	0.9%

Chi square: **: $p < 0.01$, ***: $p < 0.001$

Một số phân tích tương quan chỉ ra rằng những hộ gia đình thuộc nhóm ít chịu ảnh hưởng bởi việc giãn cách xã hội do covid-19 có xu hướng là những hộ có chăn nuôi gia súc, gần chợ hoặc cửa hàng bán lương thực thực phẩm, gần hiệu thuốc, có tiết kiệm dự phòng. Những hộ gia đình có sở hữu đất nông nghiệp hoặc đất rừng, tuy nhiên, có xu hướng thuộc vào nhóm chịu ảnh hưởng bởi việc giãn cách xã hội nhiều hơn. Thông tin từ những cuộc phỏng vấn cho biết, những khó khăn trong việc tiêu thụ nông sản trong giãn cách xã hội, không có hỗ trợ chi phí phân bón, nguyên liệu sản xuất từ đại lý, hay bị cấm đi lại khiến cho việc canh tác, sản xuất bị đình trệ. Cùng lúc đó, lãi suất cho vay sản xuất nông nghiệp không được hỗ trợ, tạo ra ảnh hưởng lớn tới thu nhập tới các hộ với sinh kế chính là canh tác nông nghiệp. Phát hiện này được khẳng định bởi thông tin trong các thảo luận nhóm, theo chia sẻ của người tham gia, những hộ gia đình có nguồn lực sẵn có và dự trữ lương thực/thực phẩm cũng như tiết kiệm ít gặp khó khăn trong giai đoạn giãn cách hơn hẳn, do các nhu cầu về lương thực, thực phẩm và các vật phẩm thiết yếu khác đều trong khả năng tự cung tự cấp của gia đình.

Đáng chú ý, khi được hỏi về diện tích đất canh tác tại Quảng Trị, các hộ gia đình cho biết họ không sở hữu đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp tại địa phương mà thuê khoán theo năm với các chủ đất gần biên giới tại Lào để canh tác, chủ yếu là trồng lúa và chuối, phát triển cây keo. Trong thời gian giãn cách, việc di chuyển tới Lào bị kiểm soát, dẫn đến hoa màu và ruộng bị bỏ hoang, lương thực cũng không được chăm sóc và thu hoạch đúng hạn. Điều này phần nào giải thích tương quan giữa việc sở hữu đất rừng/đất nông nghiệp kéo theo chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực trong giai đoạn giãn cách xã hội vừa qua được ghi nhận trong nghiên cứu này. Việc không sở hữu đất canh tác gần với nơi sinh sống, khiến cho an ninh lương thực tại Quảng Trị trở nên bất ổn trong giai đoạn giãn cách xã hội với việc hạn chế đi lại tới nguồn lương thực.

Cũng cần ghi nhớ rằng, bản thân những ảnh hưởng gây nên bởi NCOVI cũng kéo theo các hệ lụy khác, do vậy khi gặp một vấn đề, các hộ gia đình với ít nguồn lực hơn thường phải gánh chịu thêm nhiều vấn đề tiếp theo đó.

“Đối với cộng đồng ảnh hưởng thiệt hại lớn nhất về; kinh tế cũng như ảnh hưởng đến việc học hành của con em, lương thực. Vì đa số ở Tây Nguyên cây chủ lực là cà phê Là chính vì dịch bệnh đã ảnh hưởng đến giao thương khiến cho tâm lý các nhà đại lý đầu tư tạm ngưng đầu tư cho bà con từ vật tư đến tài chính khiến cho bà con hoang mang lo lắng đến việc ăn uống sinh hoạt Của bà con”. (Anh N, Đăk Lăk)

Bảng 5: Tương quan giữa mức độ bị ảnh hưởng của Ncovi với nguồn lực của hộ gia đình

		Chịu ảnh hưởng của dãn cách XH
Chịu ảnh hưởng của dãn cách XH	Pearson Correlation	1
	Sig. (2-tailed)	
	N	224
a. Có vườn rau/củ, hoặc ao thả cá	Pearson Correlation	0.015
	Sig. (2-tailed)	0.824

	N	224
Có nuôi gia cầm (kể cả để sử dụng trong gia đình và với mục đích kinh doanh)	Pearson Correlation	0.049
	Sig. (2-tailed)	0.468
	N	224
Có chăn nuôi gia súc (kể cả để sử dụng trong gia đình, hoặc với mục đích sản xuất, kinh doanh)	Pearson Correlation	.176**
	Sig. (2-tailed)	0.008
	N	224
Có gần chợ/hàng bán lương thực, thực phẩm	Pearson Correlation	.181**
	Sig. (2-tailed)	0.007
	N	224
Có gần hiệu thuốc/nhà thuốc	Pearson Correlation	.187**
	Sig. (2-tailed)	0.005
	N	224
Hộ gia đình có tích trữ gạo/lương thực	Pearson Correlation	-0.029
	Sig. (2-tailed)	0.664
	N	224
Có tiết kiệm dự phòng	Pearson Correlation	.372**
	Sig. (2-tailed)	0
	N	224
Gia đình phải thuê/mượn đất/nhà để sinh sống	Pearson Correlation	0.06
	Sig. (2-tailed)	0.369
	N	224
Gia đình có sở hữu đất nông nghiệp, đất rừng	Pearson Correlation	-.145*

Sig. (2-tailed)

0.031

N

224

** Tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0.01 (2-tailed).

* Tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0.05 (2-tailed).

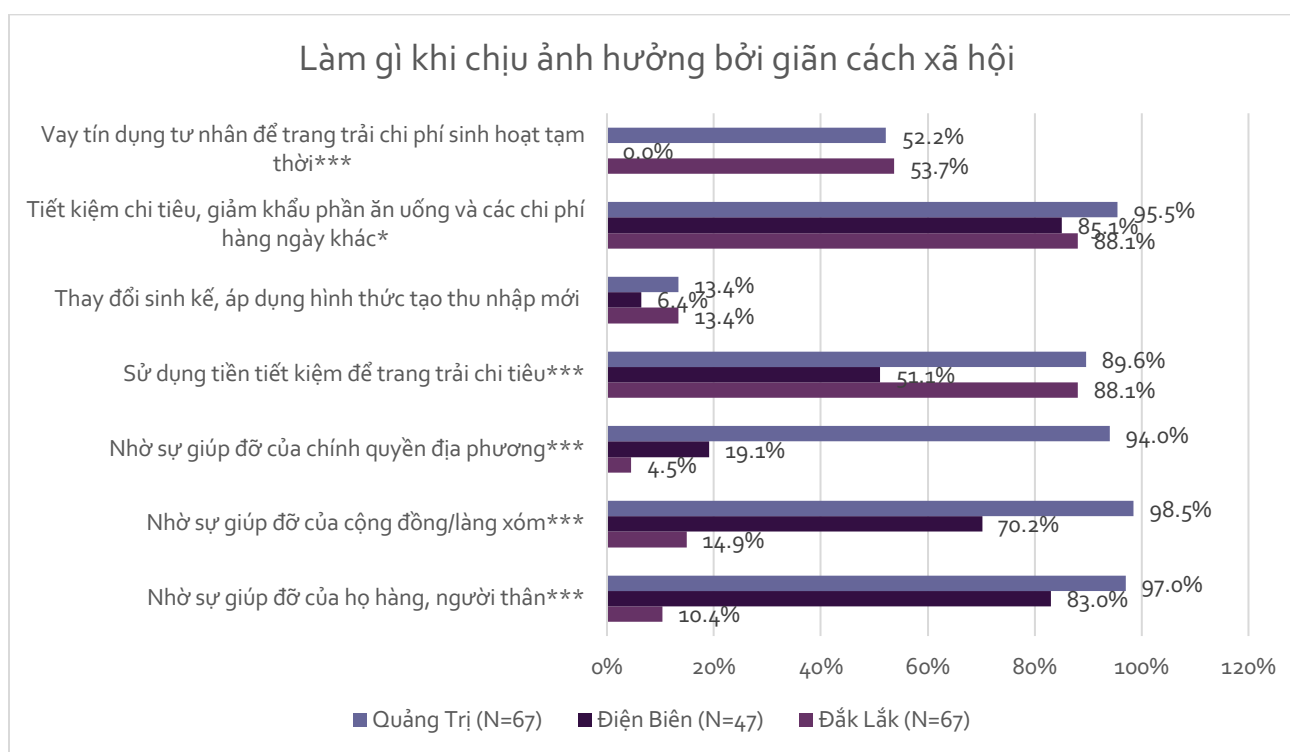
3.3 Ứng phó với ảnh hưởng của giãn cách xã hội

Khi phân tích riêng với những hộ gia đình trải nghiệm ít nhất một ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội, có thể nhận thấy hầu hết họ lựa chọn ứng phó với hoàn cảnh tức thời bằng cách cắt giảm chi tiêu, khẩu phần ăn uống, dựa vào sự giúp đỡ của họ hàng, người thân, và cộng đồng làng xóm để giải quyết các khó khăn trước mắt. Lối sống ít phụ thuộc vào vật chất và cách thức tổ chức xã hội và mạng lưới các mối quan hệ trong làng xóm, thôn bản trong các cộng đồng dân tộc thiểu số phần nào đã tạo ra chiếc lưới an sinh xã hội trước những ảnh hưởng của COVID-19.

Tuy nhiên khi phân tích theo địa bàn, có thể nhận thấy tỷ lệ hộ gia đình tìm kiếm sự hỗ trợ của họ hàng, người thân, hay cộng đồng làng xóm ở Đắk Lắk thấp hơn đáng kể so với ở hai địa bàn còn lại.

Ở Điện Biên không có hộ gia đình nào cần phải vay nóng (vay tính dụng tư nhân) để trang trải chi phí sinh hoạt tạm thời trong giai đoạn giãn cách, trong khi tỷ lệ này ở hai địa bàn còn lại là khá cao (hơn một nửa). Số hộ gia đình phải sử dụng đến tiền tiết kiệm để trang trải chi phí sinh hoạt trong giai đoạn giãn cách ở Điện Biên (51.1%) cũng thấp hơn đáng kể so với ở Quảng Trị (89.6%) và ở Đắk Lắk (88.1%)

Biểu đồ 3: Phản ứng với ảnh hưởng của dịch covid-19 và giãn cách xã hội

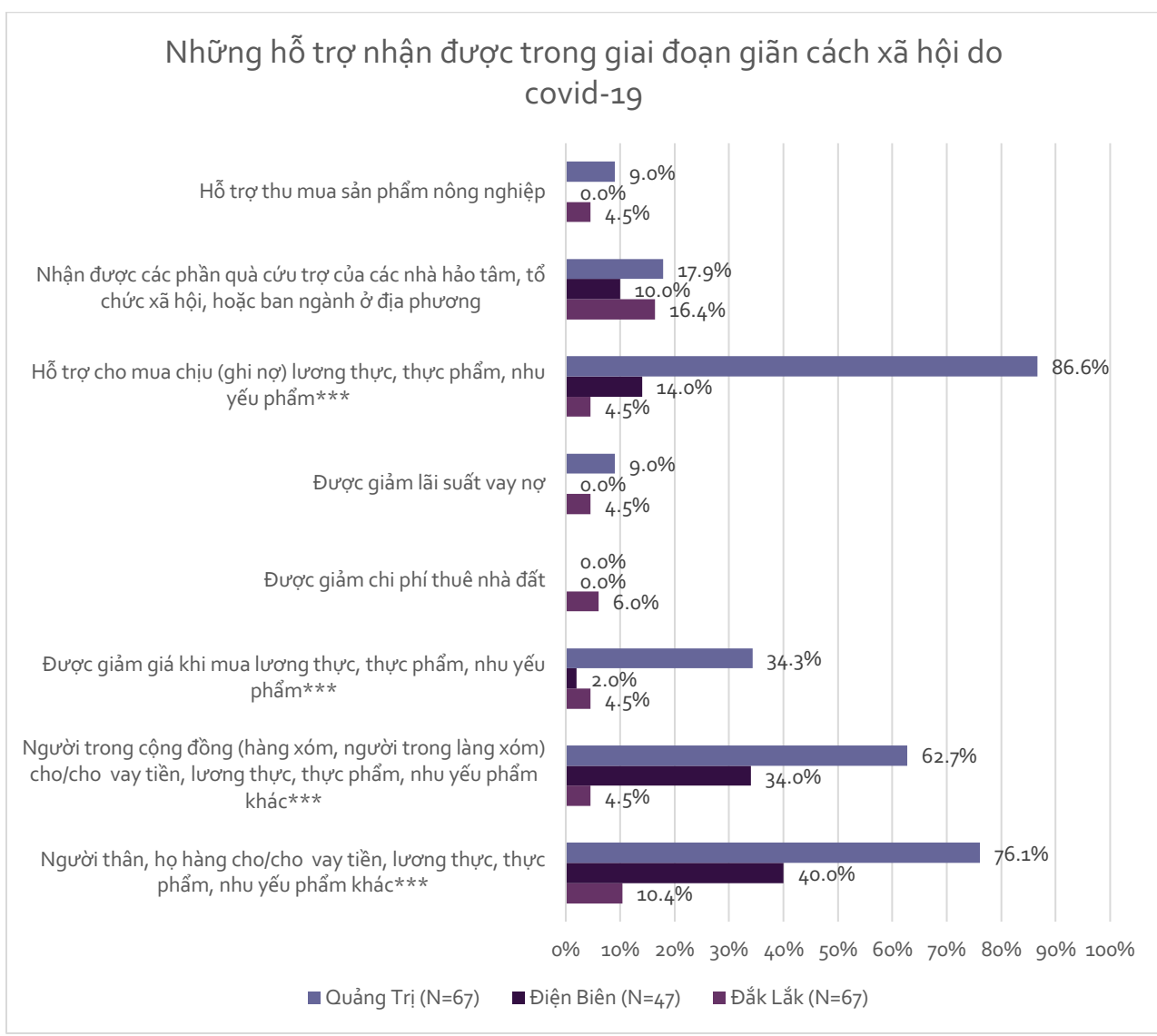


Trong giai đoạn giãn cách xã hội, đã có nhiều nguồn hỗ trợ tức thời cho các hộ gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn được ghi nhận. Cụ thể là, ở Quảng Trị, có một tỷ lệ lớn hộ gia đình cho biết họ được mua chịu/ghi nợ khi mua lương thực, thực phẩm (86.6%), hay được người thân/họ hàng cho vay tiền, vay lương thực thực phẩm (76.1%).

Ở Điện Biên, tuy tỷ lệ hộ gia đình nhận được sự hỗ trợ cho vay từ người thân/họ hàng (40%) hoặc người trong cộng đồng/hàng xóm (34%) để mua lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm có thấp hơn so với ở Quảng Trị, nhưng vẫn cao hơn đáng kể so với tỷ lệ này ở Đắk Lắk.

Ngoài ra, có một tỷ lệ nhỏ khác ở cả ba địa bàn cho biết họ đã nhận được hỗ trợ dưới nhiều hình thức khác nhau, ví dụ như được nhận quà cứu trợ từ các nhà hảo tâm, tổ chức xã hội hay ban ngành ở địa phương, hay được hỗ trợ thu mua sản phẩm nông nghiệp.

Biểu đồ 4: Những hỗ trợ đã nhận được trong giai đoạn giãn cách



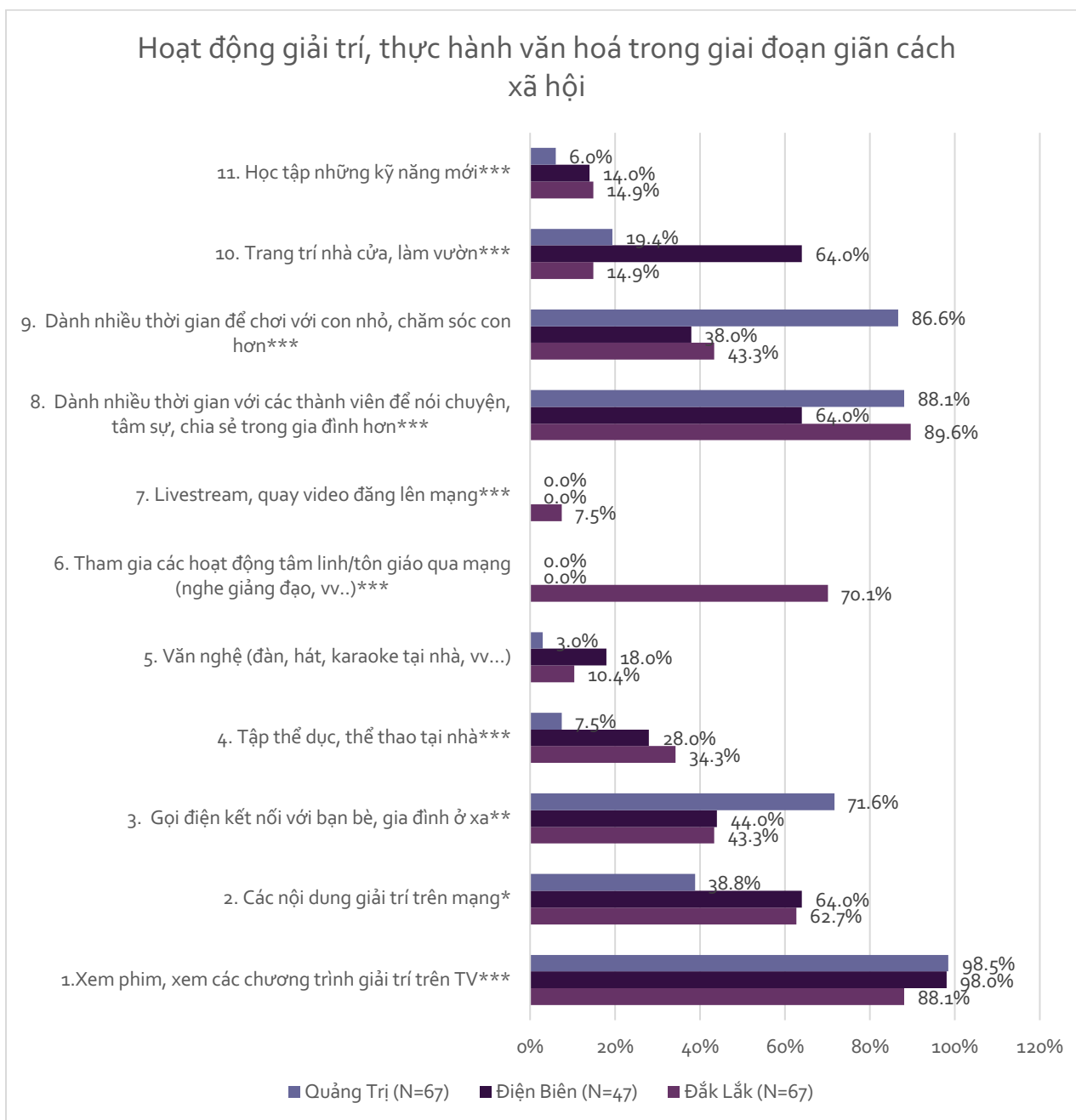
3.4 Hoạt động giải trí, thực hành văn hoá trong giai đoạn giãn cách xã hội

Giãn cách xã hội đồng nghĩa với việc thời gian ở nhà của các thành viên gia đình nhiều hơn, thời gian làm việc và tham gia xã hội giảm đi. Có thể nhận thấy ở cả ba địa bàn, hoạt động giải trí của các thành viên hộ gia đình phổ biến nhất là việc xem TV, dành nhiều thời gian hơn để gắn kết tình cảm, trò chuyện và chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình, thêm thời gian để chăm sóc, vui chơi với con cái.

Ở Đắk Lắk, do có một tỷ lệ lớn người dân theo Đạo Tin Lành, nên trong giai đoạn giãn cách xã hội tuy không thể tham gia các buổi lễ tại nhà thờ, họ đã tham gia các buổi giảng đạo, buổi lễ thông qua Internet (70.1%).

Các hình thức giải trí, thực hành văn hoá chi tiết xem tại biểu đồ 5.

Biểu đồ 5: Hoạt động giải trí, thực hành văn hoá trong giai đoạn giãn cách xã hội



3.5 Cảm nhận về tác động của các ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và giãn cách xã hội đến đời sống gia đình

Theo cảm nhận của người tham gia nghiên cứu, những trải nghiệm về ảnh hưởng do giãn cách đã có tác động ít nhiều đến các khía cạnh khác nhau trong đời sống trong hộ gia đình cũng như đến quan hệ với cộng đồng nơi họ sinh sống.

Về cơ bản, sau giai đoạn giãn cách xã hội, có nhiều thời gian ở nhà hơn, về mặt tình cảm gia đình, tình cảm giữa cha mẹ và con cái, tình cảm vợ chồng trong các hộ gia đình tham gia nghiên cứu để có xu hướng được nhận định thay đổi tốt hơn. Đặc biệt với những hộ gia đình có người thân đi làm ăn ở xa, đây là dịp để họ đoàn tụ và dành thời gian cho nhau nhiều hơn.

“anh ý ở nhà nên về nhà đỡ dần chị, chăm gà chăm lợn giặt giũ quần áo. Hai đứa nhỏ bây giờ ở nhà phải trông chúng nó không đi chơi nắng, không đi tắm suối. Thực ra anh ở nhà thì đỡ vất vả hơn nhưng chỉ bị cái là không có thu nhập thôi. Sau đợt dịch này chị thấy gắn kết gia đình: kinh tế gia đình vợ chồng phải xa nhau, con phải xa bố, bình thường anh đi làm một tháng hai tháng mới về một lần. Mà bây giờ cả tháng anh ấy ở nhà chị thấy vợ chồng san sẻ với nhau hơn.” (Chị H, Điện Biên)

Ở cả ba địa bàn, tình hình chung về tài chính, kinh tế của hộ gia đình được đánh giá là có thay đổi xấu đi (68.3%) hoặc xấu đi rất nhiều (8.9%) so với giai đoạn trước giãn cách xã hội. Nhận định này ở Quảng Trị là phổ biến nhất.

Quan hệ với làng xóm, cộng đồng nhìn chung được đánh giá có tốt hơn trong giai đoạn giãn cách (33.5% đánh giá có tốt lên).

Tình hình an ninh cộng đồng nhìn chung được đánh giá có tốt lên, do giảm bớt đi lại, giao tiếp xã hội, tuy nhiên có một tỷ lệ nhỏ (6.3%) ghi nhận có xấu đi, có thể được giải thích bởi một số chia sẻ từ người dân cộng đồng về một số sự vụ mất trộm vật nuôi, hoặc tài sản ở địa phương trong giai đoạn giãn cách. (Xem chi tiết tại bảng 6)

Bảng 6: Cảm nhận tác động đến đời sống tình cảm của hộ gia đình, quan hệ cộng đồng theo địa bàn

N	Đắk Lắk (N=67)	Điện Biên (N=50)	Quảng Trị (N=67)	Toàn mẫu (N=224)
Tình cảm, sự thân thiết, kết nối giữa các thành viên trong hộ gia đình***				
xấu đi nhiều	1.5%	0.0%	0.0%	0.4%
có xấu đi	10.4%	2.0%	0.0%	5.4%
không đổi	61.2%	86.0%	20.9%	54.0%
có tốt lên	26.9%	8.0%	13.4%	18.3%
tốt lên nhiều	0.0%	4.0%	65.7%	21.9%
Quan hệ với con cái, trẻ em***				
xấu đi nhiều	1.5%	0.0%	0.0%	0.4%

<i>có xấu đi</i>	0.0%	0.0%	0.0%	0.4%
<i>không đổi</i>	59.7%	76.0%	19.4%	51.3%
<i>có tốt lên</i>	38.8%	20.0%	9.0%	24.6%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	4.0%	71.6%	23.2%

Tình cảm vợ chồng ***

<i>xấu đi nhiều</i>	6.0%	0.0%	0.0%	2.2%
<i>có xấu đi</i>	4.5%	2.0%	1.5%	4.0%
<i>không đổi</i>	43.3%	80.0%	16.4%	46.0%
<i>có tốt lên</i>	46.3%	12.0%	3.0%	21.9%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	6.0%	79.1%	25.9%

Tài chính, kinh tế của hộ gia đình***

<i>xấu đi nhiều</i>	11.9%	2.0%	0.0%	8.9%
<i>có xấu đi</i>	68.7%	46.0%	92.5%	68.3%
<i>không đổi</i>	16.4%	52.0%	7.5%	21.9%
<i>có tốt lên</i>	3.0%	0.0%	0.0%	0.9%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

Sức khoẻ thể chất**

<i>xấu đi nhiều</i>	1.5%	0.0%	0.0%	0.9%
<i>có xấu đi</i>	41.8%	18.0%	17.9%	24.6%
<i>không đổi</i>	52.2%	80.0%	82.1%	70.5%
<i>có tốt lên</i>	4.5%	2.0%	0.0%	3.6%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	0.0%	0.0%	0.4%

Sức khoẻ tâm lý, sức khoẻ tinh thần***

<i>xấu đi nhiều</i>	0.0%	0.0%	0.0%	1.8%
---------------------	------	------	------	------

<i>có xấu đi</i>	67.2%	22.0%	9.0%	34.4%
<i>không đổi</i>	25.4%	78.0%	89.6%	58.5%
<i>có tốt lên</i>	7.5%	0.0%	1.5%	4.9%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	0.0%	0.0%	0.4%

quan hệ với hàng xóm, người trong cộng đồng***

<i>xấu đi nhiều</i>	0.0%	0.0%	1.5%	0.9%
<i>có xấu đi</i>	1.5%	0.0%	0.0%	2.2%
<i>không đổi</i>	55.2%	98.0%	38.8%	63.4%
<i>có tốt lên</i>	43.3%	2.0%	59.7%	33.5%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

Tình hình trật tự, an ninh trong cộng đồng***

<i>xấu đi nhiều</i>	0.0%	0.0%	1.5%	0.9%
<i>có xấu đi</i>	1.5%	0.0%	1.5%	6.3%
<i>không đổi</i>	50.7%	100.0%	95.5%	75.0%
<i>có tốt lên</i>	47.8%	0.0%	1.5%	17.9%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

Quan hệ với chính quyền, các ban ngành ở địa phương***

<i>xấu đi nhiều</i>	0.0%	0.0%	1.5%	0.4%
<i>có xấu đi</i>	4.5%	0.0%	0.0%	3.1%
<i>không đổi</i>	64.2%	100.0%	92.5%	84.4%
<i>có tốt lên</i>	31.3%	0.0%	6.0%	11.6%
<i>tốt lên nhiều</i>	0.0%	0.0%	0.0%	0.4%

Chi square: **: $p < 0.01$, ***: $p < 0.001$

Khi phân tích cảm nhận thay đổi trong các khía cạnh đời sống hộ gia đình và cộng đồng theo mức độ chịu ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội, có thể nhận thấy nhóm có bị ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng nặng nề có xu hướng cảm nhận các khía cạnh đời sống hộ gia đình của họ có biến động (cả xấu đi và tốt lên) nhiều hơn so với nhóm ít bị ảnh hưởng.

Về vấn đề tài chính, kinh tế hộ gia đình, có thể nhận thấy tỷ lệ hộ thuộc nhóm bị ảnh hưởng cảm nhận thay đổi xấu đi (67.2%) và xấu đi nhiều (25%) cao hơn đáng kể so với nhóm ít bị ảnh hưởng.

Tình hình sức khoẻ thể chất và sức khoẻ tinh thần trong nhóm bị ảnh hưởng cũng được ghi nhận thay đổi xấu đi nhiều hơn đáng kể so với ở nhóm ít bị ảnh hưởng.

Bảng 7: Cảm nhận tác động đến tình cảm gia đình và quan hệ cộng đồng theo mức độ bị ảnh hưởng bởi ncovi

	Nhóm ít bị ảnh hưởng (N=160)	Nhóm có bị ảnh hưởng phần nào hoặc nặng nề (N=64)	Toàn mẫu (N=224)
Tình cảm, sự thân thiết, kết nối giữa các thành viên trong hộ gia đình***			
xấu đi nhiều	0.6%	0.0%	0.4%
có xấu đi	3.1%	10.9%	5.4%
không đổi	63.1%	31.3%	54.0%
có tốt lên	7.5%	45.3%	18.3%
tốt lên nhiều	25.6%	12.5%	21.9%
Quan hệ với con cái, trẻ em***			
xấu đi nhiều	0.6%	0.0%	0.4%
có xấu đi	0.6%	0.0%	0.4%
không đổi	56.3%	39.1%	51.3%
có tốt lên	16.9%	43.8%	24.6%
tốt lên nhiều	25.6%	17.2%	23.2%
Tình cảm vợ chồng***			
xấu đi nhiều	1.9%	3.1%	2.2%
có xấu đi	1.3%	10.9%	4.0%
không đổi	52.5%	29.7%	46.0%
có tốt lên	16.3%	35.9%	21.9%

tốt lên nhiều	28.1%	20.3%	25.9%
---------------	-------	-------	-------

Tài chính, kinh tế của hộ gia đình***

xấu đi nhiều	2.5%	25.0%	8.9%
có xấu đi	68.8%	67.2%	68.3%
không đổi	28.1%	6.3%	21.9%
có tốt lên	0.6%	1.6%	0.9%
tốt lên nhiều	0.0%	0.0%	0.0%

Sức khỏe thể chất**

xấu đi nhiều	0.0%	3.1%	0.9%
có xấu đi	18.8%	39.1%	24.6%
không đổi	76.3%	56.3%	70.5%
có tốt lên	4.4%	1.6%	3.6%
tốt lên nhiều	0.6%	0.0%	0.4%

Sức khỏe tâm lý, sức khỏe tinh thần***

xấu đi nhiều	0.6%	4.7%	1.8%
có xấu đi	27.5%	51.6%	34.4%
không đổi	64.4%	43.8%	58.5%
có tốt lên	6.9%	0.0%	4.9%
tốt lên nhiều	0.6%	0.0%	0.4%

Quan hệ với hàng xóm, người trong cộng đồng

xấu đi nhiều	1.3%	0.0%	0.9%
có xấu đi	1.9%	3.1%	2.2%
không đổi	67.5%	53.1%	63.4%
có tốt lên	29.4%	43.8%	33.5%

tốt lên nhiều	0.0%	0.0%	0.0%
Tình hình trật tự, an ninh trong cộng đồng***			
xấu đi nhiều	0.6%	1.6%	0.9%
có xấu đi	1.9%	17.2%	6.3%
không đổi	81.3%	59.4%	75.0%
có tốt lên	16.3%	21.9%	17.9%
tốt lên nhiều	0.0%	0.0%	0.0%
Quan hệ với chính quyền, các ban ngành ở địa phương**			
xấu đi nhiều	0.6%	0.0%	0.4%
có xấu đi	1.3%	7.8%	3.1%
không đổi	89.4%	71.9%	84.4%
có tốt lên	8.1%	20.3%	11.6%
tốt lên nhiều	0.6%	0.0%	0.4%

Chi bình phương: **:p<0.01, ***:p<0.001

3.6 Cuộc sống sau giãn cách xã hội và kết thúc dịch covid-19

Những lo ngại cho cuộc sống sau dịch Covid-19

Khi được hỏi về những lo ngại cho tương lai sau khi giãn cách xã hội kết thúc, có thể nhận thấy các hộ gia đình ở Điện Biên có tỷ lệ tự tin vào sự hồi phục đời sống kinh tế - xã hội cao hơn đáng kể so với hai địa bàn còn lại, 42% người trả lời ở Điện Biên cho biết họ không có lo ngại gì, trong khi tỷ lệ này ở Quảng Trị là 17.9% và ở Đắk Lắk là 11.9%. Điện Biên cũng là nơi không có người nào cho biết họ lo ngại hoạt động sản xuất/kinh doanh không thể hồi phục được sau khi kết thúc dịch, trong khi lo ngại này ở hai địa bàn còn lại là hơn 40%.

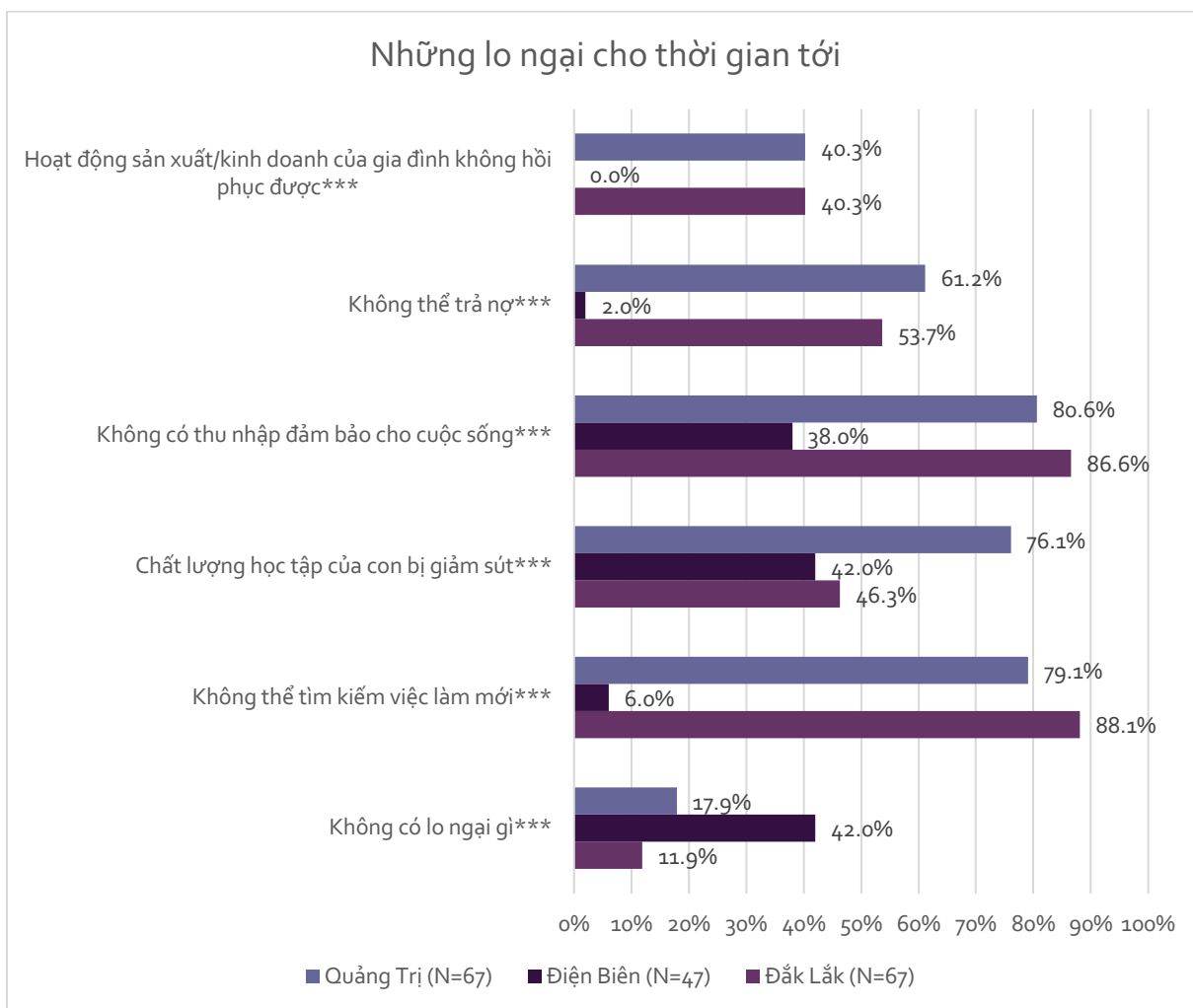
Những lo ngại phổ biến cho cuộc sống sau dịch Ncovi bao gồm: Không thể tìm được việc làm mới (88.1% ở Đắk Lắk, 79.1% ở Quảng Trị), không thể có thu nhập đảm bảo cho cuộc sống, chất lượng học tập của con cái bị giảm sút.

Với hai địa bàn có tỷ lệ vay nợ khá cao, Quảng Trị và Đăk Lăk, nỗi lo không thể trả nợ cũng cao hơn đáng kể khi so với tỷ lệ này ở Điện Biên. Cụ thể hơn về nỗi lo này, các thảo luận nhóm cho biết người dân lo ngại khi không thể trả được lãi suất hay trả được khoản nợ, nguy cơ phát sinh nợ xấu cao, trong tương lai khó có thể tiếp tục vay để tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh.

“Điều lo lắng nhất là giá nông sản như bơ, mít, sầu riêng, cafe, điều vì ảnh hưởng mùa dịch, tất cả nhà đầu tư.đại lý thu mua phải tạm ngừng vật tư cho bà con ở cộng đồng” (anh S, Đăk Lăk)

“Các hộ bản sản phẩm thực ra làm càng to nợ càng nhiều. Tiền lãi tiền gốc họ đầu tư ra để mà nộp mà họ lại không được hỗ trợ. Một số hộ ở tầm trung không được hỗ trợ và cũng không có việc làm.” (Anh L, Đăk Lăk)

Biểu đồ 6: Những lo ngại cho tương lai sau dịch



Nhu cầu hỗ trợ

77.5% người tham gia nghiên cứu cho biết họ cần nhận được hỗ trợ trong thời gian tới để vượt qua những ảnh hưởng từ dịch covid-19. Tỷ lệ này ở Quảng Trị là 100%, ở Điện Biên là 94%, ở Đăk Lăk là 76.1%. Nhu cầu hỗ trợ cụ thể tập trung vào hình thức hỗ trợ tài chính (ví dụ hỗ trợ tiền mặt, vay vốn, giảm lãi suất) (89.3%), hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm (80.6%), hỗ trợ công cụ, phương tiện sản xuất (79.1%), hỗ trợ thị trường, kết nối thị trường (65.8%).

“hỗ trợ cần thiết nhất ở đây là về mặt tài chính, giảm tiền điện, miễn trả lãi suất ở ngân hàng” (Anh H, Quảng Trị)

Bảng 8: Nhu cầu hỗ trợ theo địa bàn

	Đắk (N=67)	Lắk (N=47)	Điện (N=67)	Biên Quảng Trị (N=67)	Toàn mẫu (N=224)
Trong thời gian tới, ông/bà và gia đình có cần nhận được hỗ trợ để vượt qua những ảnh hưởng từ dịch covid-19 hay không?					
Có	76.1%		94.0%	100.0%	77.5%
Không	23.9%		6.0%	0.0%	22.5%
Hỗ trợ gì?	N=51	N=47	N=67		N=196
Hỗ trợ tài chính (vay vốn, giảm lãi suất, hỗ trợ tiền mặt)***	96.1%	70.2%	100.0%		89.3%
Hỗ trợ về lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm	98.0%	48.9%	100.0%		80.6%
Hỗ trợ công cụ, phương tiện sản xuất***	96.1%	61.7%	97.0%		79.1%
Hỗ trợ thị trường, kết nối thị trường***	90.2%	25.5%	83.6%		65.8%
Hỗ trợ tâm lý***	84.3%	27.7%	23.9%		40.8%

Một số phân tích tương quan giữa nhu cầu nhận hỗ trợ để vượt qua ảnh hưởng từ dịch covid-19 với một số đặc điểm và trải nghiệm của các hộ gia đình cho thấy: Những hộ gia đình cho biết KHÔNG có nhu cầu với các hỗ trợ hồi phục sau covid-19 có xu hướng thuộc nhóm hộ gia đình sống gần chợ hoặc hàng bán lương thực/thực phẩm, gần hiệu thuốc, có tiết kiệm dự phòng, không có lo ngại gì cho tương lai, hoặc cụ thể không có lo ngại về việc làm hay thu nhập. Chi tiết xem tại bảng.

Bảng 9: Tương quan giữa nhu cầu hỗ trợ với các đặc điểm của hộ gia đình

	Trong thời gian tới, ông/bà và gia đình có cần nhận được hỗ trợ để vượt qua những ảnh hưởng từ dịch covid-19 hay không?
Chịu ảnh hưởng của dân cách	Pearson Correlation 0.06
	Sig. (2-tailed) 0.373

N 224

<i>Có vườn rau/củ, hoặc ao thả cá</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>0.043</i>
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	<i>0.524</i>
	N	224

<i>Có nuôi gia cầm (kể cả để sử dụng trong gia đình và với mục đích kinh doanh)</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>0.12</i>
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	<i>0.073</i>
	N	224

<i>Có chăn nuôi gia súc (kể cả để sử dụng trong gia đình, hoặc với mục đích sản xuất, kinh doanh)</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>0.097</i>
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	<i>0.15</i>
	N	224

<i>Có gần chợ/hàng bán lương thực, thực phẩm hay không?</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>-.199**</i>
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	<i>0.003</i>
	N	224

<i>Có gần hiệu thuốc/nhà thuốc hay không</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>-.160*</i>
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	<i>0.017</i>
	N	224

<i>Hộ gia đình có tích trữ gạo/lương thực</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>0.058</i>
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	<i>0.387</i>
	N	224

<i>Có tiết kiệm dự phòng</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>-.190**</i>
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	<i>0.004</i>
	N	224

<i>Gia đình phải thuê/mượn đất/nhà để sinh sống</i>	<i>Pearson Correlation</i>	<i>0.052</i>
---	----------------------------	--------------

	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0.435
	<i>N</i>	224
<i>Gia đình có sở hữu đất nông nghiệp, đất rừng</i>	<i>Pearson Correlation</i>	0.028
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0.681
	<i>N</i>	224
<i>Không có lo ngại gì</i>	<i>Pearson Correlation</i>	.230**
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0.001
	<i>N</i>	224
<i>Lo ngại không thể tìm kiếm việc làm mới</i>	<i>Pearson Correlation</i>	-.193**
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0.004
	<i>N</i>	224
<i>Lo ngại Chất lượng học tập của con bị giảm sút</i>	<i>Pearson Correlation</i>	-0.122
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0.068
	<i>N</i>	224
<i>Lo ngại Không có thu nhập đảm bảo cho cuộc sống</i>	<i>Pearson Correlation</i>	-.254**
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0
	<i>N</i>	224
<i>Lo ngại Không thể trả nợ</i>	<i>Pearson Correlation</i>	-0.079
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0.242
	<i>N</i>	224
<i>Hoạt động sản xuất/kinh doanh của gia đình không hồi phục được</i>	<i>Pearson Correlation</i>	-0.063
	<i>Sig. (2-tailed)</i>	0.346
	<i>N</i>	224

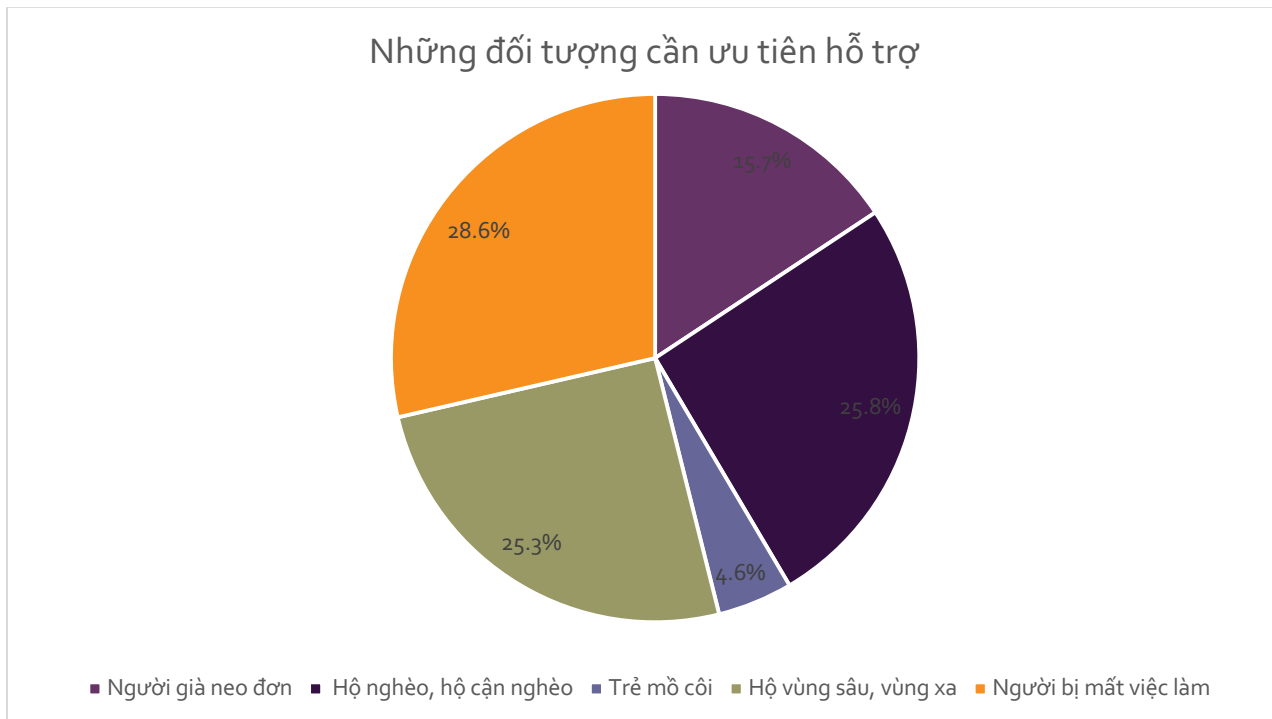
** Tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0.01 (2-tailed).

* Tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0.05 (2-tailed).

Ưu tiên hỗ trợ

Khi được hỏi về những đối tượng cần được ưu tiên nhận hỗ trợ khắc phục ảnh hưởng của covid-19 và giãn cách xã hội, người trả lời trong nghiên cứu đặt ưu tiên cho các nhóm người bị mất việc làm (28.6%), hộ nghèo và cận nghèo (25.8%), hộ vùng sâu vùng xa (25.3%), người già neo đơn (15.7%), và trẻ mồ côi (4.6%).

Biểu đồ 7: Đối tượng cần ưu tiên hỗ trợ



4. Kết luận chung và một số khuyến nghị từ phát hiện nghiên cứu

4.1 Kết luận

Nghiên cứu đánh giá nhanh ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến đời sống của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam được thực hiện trong tháng 4 đến tháng 6 năm 2020, dựa trên một điều tra trực tuyến với 224 người và một số thảo luận nhóm thông qua videocall với thành viên Nhóm tiên phong tại các địa bàn tham gia dự án. Các phát hiện chính trong phạm vi nghiên cứu tập trung vào trải nghiệm, nhận định và nhu cầu của nhóm cộng đồng người Ê đê ở Đắk Lắk, người Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, và người Thái ở Điện Biên.

Đa phần người tham gia trong nghiên cứu là người địa phương (không sinh sống/làm việc tại các tỉnh/thành khác), hầu hết sống tại các địa bàn nông thôn, có độ tuổi trung bình khoảng 41 tuổi, hiện đã kết hôn.

Trung bình, các hộ gia đình tham gia nghiên cứu có khoảng 5 thành viên, 33.5% số người tham gia cho biết hộ gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo, 11.6% thuộc diện cận nghèo, tỷ lệ cho biết thuộc hộ nghèo và cận nghèo ở Quảng Trị cao hơn đáng kể so với ở hai địa bàn còn lại. Chỉ có 10.4% hộ gia đình ở Đắk Lắk và 16.4% ở Quảng Trị cho biết hộ gia đình của họ có nguồn thu nhập ổn định và thường xuyên, thấp hơn đáng kể so với ở Điện Biên (44%). Phần đông các hộ gia đình ở Quảng Trị chỉ có một nguồn thu nhập duy nhất, và tỷ lệ hộ không có thu nhập ở Quảng Trị cũng cao hơn hai địa bàn còn lại. Tỷ lệ các hộ gia đình có 2 nguồn thu nhập trở lên ở Đắk Lắk và Điện Biên cao hơn đáng kể.

Các hộ gia đình ở Điện Biên có nguồn lực kinh tế đảm bảo an sinh hơn đáng kể so với ở hai địa bàn còn lại, các hộ gia đình ở Đắk Lắk dường như có ít các nguồn lực đảm bảo an sinh cho các tình huống khẩn cấp hơn cả. Cụ thể là ở Điện Biên, tỷ lệ các hộ gia đình có vườn rau/củ hoặc ao thả cá, có chăn nuôi gia cầm, có tích trữ gạo/lương thực, hay tiết kiệm dự phòng nhìn chung cao hơn ở Đắk Lắk và Quảng Trị.

Có thể thấy rằng, cách thức vận hành và tổ chức cộng đồng theo nền kinh tế duy tình- hệ thống đảm bảo một mạng lưới an toàn cho cộng đồng mà không đòi hỏi những tính toán duy lý thông thường, thông qua những hoạt động trao đổi, vay, khất nợ, giúp đỡ qua lại giữa anh em họ hàng, phần nào giúp hoá giải những khó khăn tức thời xảy đến với các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội

67% hộ gia đình từng gặp phải vấn đề thiếu lương thực/thực phẩm trong giai đoạn giãn cách xã hội. Tỷ lệ gặp vấn đề thiếu lương thực ở Điện Biên thấp hơn đáng kể so với hai địa bàn còn lại. Điều này thích hợp với phân tích bên trên chỉ ra tỷ lệ tiết kiệm dự phòng và dự trữ lương thực/thực phẩm ở Điện Biên cao hơn đáng kể so với Đắk Lắk và Quảng Trị. Tỷ lệ gặp phải vấn đề này ở Quảng Trị là cao nhất.

Các vấn đề như "thiếu thuốc men, dụng cụ y tế chăm sóc cho người ốm" hay phải "vay tiền để chi trả chi phí sinh hoạt" cũng được ghi nhận phổ biến hơn ở Đắk Lắk và Quảng Trị. Nhiều hộ gia đình ở Đắk Lắk và Quảng Trị rơi vào hoàn cảnh không thể trả nợ các khoản vay, trong khi đây không phải là vấn đề xảy ra ở Điện Biên.

81.2% cho biết hộ gia đình có thành viên gặp phải vấn đề mất việc làm, 60.3% cho biết việc sản xuất, kinh doanh hộ gia đình bị đình trệ trong thời gian giãn cách. Quảng Trị là nơi trải nghiệm ảnh hưởng này phổ biến nhất, tiếp đó đến Đắk Lắk. Trong khi tỷ lệ hộ gia đình gặp phải tình huống này thấp hơn cả. Tuy nhiên, Điện Biên là nơi có tỷ lệ hộ gia đình gặp phải vấn đề bị chậm trả lương, chậm thanh toán hàng hoá/dịch vụ đã bán cao hơn đáng kể so với hai địa bàn còn lại.

Đáng lưu ý, ở Đắk Lắk có 25.4% (hơn 1/4) số hộ gia đình cho biết có trải nghiệm thiếu hoặc bị mất chỗ ở trong giai đoạn giãn cách xã hội.

Phân tích tương quan chỉ ra rằng những hộ gia đình thuộc nhóm ít chịu ảnh hưởng bởi việc giãn cách xã hội do covid-19 có xu hướng là những hộ có chăn nuôi gia súc, gần chợ hoặc cửa hàng bán lương thực thực phẩm, gần hiệu thuốc, có tiết kiệm dự phòng. Những hộ gia đình có sở hữu đất nông nghiệp hoặc đất rừng, tuy nhiên, có xu hướng thuộc vào nhóm chịu ảnh hưởng bởi việc giãn cách xã hội nhiều hơn. Điều này phản ánh thực tế của sinh kế gắn với sở hữu đất nông nghiệp hoặc đất rừng và tính bền vững của những chiến lược, hoạch định nông nghiệp, lâm nghiệp trong thời điểm hiện tại. Các khoản nợ tín dụng cho cây công nghiệp lâu năm, thiếu đất ruộng cho canh tác sản xuất, v.v sẽ càng làm rõ hơn tình trạng bấp bênh của các hộ gia đình tại Đắk Lắk, Quảng Trị.

Các hình thức ứng phó với ảnh hưởng

Hầu hết các hộ gia đình lựa chọn ứng phó với hoàn cảnh tức thời bằng cách cắt giảm chi tiêu, khẩu phần ăn uống, dựa vào sự giúp đỡ của họ hàng, người thân, và cộng đồng làng xóm để giải quyết các khó khăn trước mắt. Tuy nhiên, ở Đắk Lắk, tỷ lệ hộ gia đình tìm kiếm hỗ trợ từ người nhà, hàng xóm hay cộng đồng thấp hơn đáng kể. Ở Điện Biên không có hộ gia đình nào cần phải vay nóng (vay tín dụng tư nhân) để trang trải chi phí sinh hoạt tạm thời trong giai đoạn giãn cách, trong khi tỷ lệ này ở hai địa bàn còn lại là khá cao (hơn một nửa). Số hộ gia đình phải sử dụng đến tiền tiết kiệm để trang trải chi phí sinh hoạt trong giai đoạn giãn cách ở Điện Biên (51.1%) cũng thấp hơn đáng kể so với ở Quảng Trị (89.6%) và ở Đắk Lắk (88.1%)

Đã có nhiều nguồn hỗ trợ tức thời cho các hộ gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn được ghi nhận. Cụ thể là, ở Quảng Trị, có một tỷ lệ lớn hộ gia đình cho biết họ được mua chịu/ghi nợ khi mua lương thực, thực phẩm (86.6%), hay được người thân/họ hàng cho vay tiền, vay lương thực thực phẩm (76.1%).

Cảm nhận về tác động của ảnh hưởng do giãn cách đến các khía cạnh đời sống gia đình và xã hội

Sau giai đoạn giãn cách xã hội, do có nhiều thời gian ở nhà hơn, về mặt tình cảm gia đình, tình cảm giữa cha mẹ và con cái, tình cảm vợ chồng trong các hộ gia đình tham gia nghiên cứu đều có xu hướng được nhận định thay đổi theo hướng tốt lên.

Trong khi đó, tại cả ba địa bàn, tình hình chung về tài chính, kinh tế của hộ gia đình được đánh giá là có thay đổi xấu đi (68.3%) hoặc xấu đi rất nhiều (8.9%) so với giai đoạn trước giãn cách xã hội. Nhận định này ở Quảng Trị là phổ biến nhất. Nhóm có bị ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng nặng nề có xu hướng cảm nhận các khía cạnh đời sống hộ gia đình của họ có biến động (cả xấu đi và tốt lên) nhiều hơn đáng kể so với cảm nhận trong nhóm ít bị ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội.

Hướng về tương lai

Các hộ gia đình ở Điện Biên có tỷ lệ tự tin vào sự hồi phục đời sống kinh tế - xã hội cao hơn đáng kể so với hai địa bàn còn lại, 42% người trả lời ở Điện Biên cho biết họ không có lo ngại gì, trong khi tỷ lệ này ở Quảng Trị là 17.9% và ở Đắk Lắk là 11.9%. Điện Biên cũng là nơi không có người nào cho biết họ lo ngại hoạt động sản xuất/kinh doanh không thể hồi phục được sau khi kết thúc dịch, trong khi lo ngại này ở hai địa bàn còn lại là hơn 40%.

Những lo ngại phổ biến cho cuộc sống sau dịch ncovi bao gồm: Không thể tìm được việc làm mới (88.1% ở Đắk Lắk, 79.1% ở Quảng Trị), không thể có thu nhập đảm bảo cho cuộc sống, chất lượng học tập của con cái bị giảm sút. Với hai địa bàn có tỷ lệ vay nợ khá cao, Quảng Trị và Đắk Lắk, nỗi lo không thể trả nợ cũng cao hơn đáng kể khi so với tỷ lệ này ở Điện Biên.

77.5% người tham gia nghiên cứu cho biết họ cần nhận được hỗ trợ trong thời gian tới để vượt qua những ảnh hưởng từ dịch covid-19. Tỷ lệ này ở Quảng Trị là 100%, ở Điện Biên là 94%, ở Đắk Lắk là 76.1%. Nhu cầu hỗ trợ cụ thể tập trung vào hình thức hỗ trợ tài chính (ví dụ hỗ trợ tiền mặt, vay vốn, giảm lãi suất) (89.3%), hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm (80.6%), hỗ trợ công cụ, phương tiện sản xuất (79.1%), hỗ trợ thị trường, kết nối thị trường (65.8%).

Ưu tiên hỗ trợ hồi phục sau covid-19 được người tham gia dành cho các nhóm người bị mất việc làm (28.6%), hộ nghèo và cận nghèo (25.8%), hộ vùng sâu vùng xa (25.3%), người già neo đơn (15.7%), và trẻ mồ côi (4.6%).

4.2 Một số khuyến nghị hành động rút ra từ phát hiện nghiên cứu

Cách thức tổ chức xã hội và mạng lưới các mối quan hệ trong làng xóm, thôn bản trong các cộng đồng dân tộc thiểu số phần nào đã tạo ra chiếc lưới an sinh xã hội trước những ảnh hưởng của COVID-19. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và những chuyển đổi từ sinh kế truyền thống sang các hoạt động kinh tế đòi hỏi đầu tư, vốn ban đầu, thúc đẩy bởi lối sống hàng hoá, các cộng đồng dân tộc thiểu số đứng trước những khó khăn về tài chính, đặc biệt là các khoản nợ gây gia tăng rủi ro về an sinh. Chính vì vậy, giảm thiểu những rủi ro này và chuẩn bị hệ thống ứng phó lâu dài, rút ra những bài học từ đời sống xã hội của các tộc người là những hỗ trợ, cách tiếp cận được ưu tiên:

Hỗ trợ tức thời

- Với các hộ gia đình gặp vấn đề về an sinh lương thực/thực phẩm, có thể có những khoản hỗ trợ tiền mặt/hiện vật nhằm vượt qua khó khăn tức thời, để đảm bảo cuộc sống sớm quay trở lại trạng thái bình thường.
- Tạo ra các phương thức tiếp cận vốn vay ưu đãi, hỗ trợ giảm lãi suất cho các hộ kinh doanh vừa và nhỏ.

- Thu thập những câu chuyện, lời kể về sự tương trợ lẫn nhau trong giai đoạn COVID-19, đóng góp vào bức tranh tổng thể trong các hỗ trợ từ Chính phủ, các đoàn thể, các tổ chức, cá nhân

Chương trình dài hạn

- Rà soát lại các chương trình, hoạch định nông lâm nghiệp với tiêu chí về an ninh lương thực, an sinh xã hội được đặt lên hàng đầu.
- Hỗ trợ chuẩn bị ứng phó với các tình huống khẩn cấp thông qua đa dạng hoá nguồn thu nhập, các hình thức dự phòng về kinh tế, y tế, sinh kế.
- Thiết lập những mạng lưới, tăng cường kết nối cộng đồng nhằm chia sẻ thông tin, hỗ trợ lẫn nhau phát triển kinh tế và trong các tình huống khẩn cấp.
- Tổng hợp và chia sẻ các bài học kinh nghiệm, các câu chuyện ứng phó thành công với dịch bệnh

TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 TỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ DI CƯ THÀNH THỊ

I. Giới thiệu nghiên cứu

1. Lý do thực hiện nghiên cứu

Đại dịch Covid tác động lên toàn thế giới trên mọi lĩnh vực khác nhau. Theo đó, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết và sau đó liên tiếp Chỉ thị số 15 Về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19 ngày 27/03/2020 và Chỉ thị số 16 Về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 ngày 31/03/2020.

Dịch bệnh cùng với những giải pháp phòng chống dịch bệnh đã tác động đến toàn bộ xã hội. Nhiều cơ sở lao động, kinh doanh, dịch vụ đóng cửa; nhiều người lao động mất việc làm, hoặc tạm dừng hợp đồng lao động. Trong đó có nhóm người lao động di cư dân tộc thiểu số. Họ là nhóm người di chuyển từ miền núi xuống thành phố để tìm kiếm việc làm, hoặc là sinh viên đang học tập tại Hà Nội, đã tốt nghiệp các trường Cao đẳng, Đại học, trường nghề. Những người đi làm xa quê - với gánh nặng về sinh kế thường nhật, đa phần không có hợp đồng lao động để đảm bảo kinh tế và nguồn lực hạn chế trong những mối quan hệ xã hội - là một nhóm đối tượng nhạy cảm nhưng ít khi hiện diện trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Nhằm lắng nghe và hiểu hơn về câu chuyện của nhóm này, chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu quy mô nhỏ về Tác động của Cách ly xã hội trong đại dịch Covid-19 lên đời sống người Dân tộc thiểu số di cư thành thị. Nghiên cứu được đồng thiết kế bởi Nguyễn Vũ Hải - nhân viên Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường, Khang A Tủa, Giàng A Bê - người Mông đến từ tỉnh Yên Bái và được tư vấn bởi chị Trần Thùy Dương - giảng viên khoa Nhân học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

2. Hướng tiếp cận nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng công cụ phỏng vấn sâu và quan sát có sự tham gia để có thể hiểu cụ thể và chi tiết đời sống của những người lao động di cư. Sự linh động và bất bênh của họ khiến những tác động và cách ứng biến trong mùa dịch trở nên đa dạng mà những con số định lượng khó có thể thể hiện được.

Theo đặc điểm của thời gian cách ly xã hội trong dịch Covid - 19, chúng tôi thực hiện nghiên cứu về người di cư thành thị theo hai nhóm: nhóm trở về quê và nhóm ở lại thành phố trong thời gian cách ly. Đây là hai cách ứng biến phổ biến trong thời gian này. Cách ly xã hội và khẩu hiệu “hãy ở nhà” (1) khiến những công việc của người di cư đình trệ, thành phố được cho là những “ổ dịch” hoặc thuộc nhóm địa phương có nguy cơ cao (theo Chỉ thị 16 CT/TTg)(2). Người di cư - những người dễ chịu tác động mạnh từ dịch bệnh - cũng là những người có khả năng linh hoạt về công việc cũng như nơi ở. Họ có thể rời khỏi ổ dịch trước thời gian cách ly, trở về với những công việc nông nghiệp mà họ đã không còn quen thuộc. Trong khi đó, vẫn có những người duy trì/ tiếp tục cuộc sống tại thành phố theo cách khác hoặc bị mắc kẹt do những lý do khác nhau.

Về nội dung nghiên cứu, chúng tôi tập trung vào ba vấn đề chính: Thứ nhất là tình hình thu nhập và tình trạng kinh tế, thứ hai các gói hỗ trợ xã hội và thứ ba là các mối liên kết xã hội của người di cư trong thời gian cách ly.

3. Khái niệm chính trong nghiên cứu

Vốn xã hội - social capital - được quan niệm là một loại vốn, bên cạnh các loại vốn khác như vốn kinh tế, vốn văn hoá, vốn con người. Vốn xã hội có nhiều định nghĩa và giải thích theo nhiều cách khác nhau (Bourdieu, 1986; Coleman, 1988; Fukuyama, 2001, , 2002; Lin, 1999, , 2001; Portes, 1998; Putnam, 1995, , 2000). Các đặc điểm được thống nhất chung của vốn xã hội bao gồm: Vốn xã hội gắn liền với mạng lưới xã hội, quan hệ xã hội, hay vốn xã hội là một nguồn lực gắn với các mối quan hệ trong xã hội, là một loại vốn để cá nhân sử dụng để tìm kiếm lợi ích. Ngoài ra, vốn xã hội còn bao gồm khả năng kết nối, các mối quan hệ qua lại và chia sẻ sự tin cậy, niềm tin trong xã hội.

Để phân loại, vốn xã hội có thể phân chia vốn dành cho cá nhân và mang tính xã hội. Vốn xã hội dành cho cá nhân là hệ thống các mạng lưới xã hội, niềm tin của con người, khả năng kết nối để thực hiện công việc trong xã hội. Vốn xã hội mang tính xã hội nhấn mạnh vào các chuẩn mực xã hội, các giá trị chung mà xã hội cùng chia sẻ. Về mức độ tiếp cận. Ở mức độ vi mô, vốn xã hội liên quan tới cá nhân; mức độ trung mô, vốn xã hội liên quan tới gia đình, trường học, hội nhóm; mức độ vĩ mô, vốn xã hội liên quan tới xã hội, nhà nước.

Với người dân tộc thiểu số di cư thành thị, vốn xã hội bao gồm vốn xã hội tại quê hương và vốn xã hội tại nơi di cư. Tại quê hương, mạng lưới xã hội là mối quan hệ với người cùng làng bản, hàng xóm láng giềng. Những mối quan hệ liên quan tới đời sống cộng đồng, chia sẻ niềm tin và thực hành văn hóa.

Tại địa điểm di cư, mạng lưới xã hội là mối quan hệ với những người đồng hương: cùng làng, cùng tỉnh; là liên kết xã hội với người đồng tộc, cùng chia sẻ văn hóa, thực hành tín ngưỡng. Ngoài ra, người di cư có những mối liên hệ xã hội với những người mới gặp tại địa điểm di cư: hàng xóm, đồng nghiệp... Người di cư ít những mối quan hệ tin cậy vì đời sống di cư không ổn định; ngoài ra còn gặp các trở ngại về khác biệt văn hóa, định kiến về tộc người.

4. Quá trình thực hiện nghiên cứu

Sau khi hoàn thành thiết kế nghiên cứu vào giữa tháng 5. Chúng tôi đã chọn mẫu tham gia phỏng vấn của mình thông qua các mối quan hệ cá nhân, nhờ bạn bè kết nối, thông qua các hội nhóm, mạng lưới của người dân tộc thiểu số ở Hà Nội và sử dụng mạng xã hội Facebook như một công cụ để kết nối tới những người phỏng vấn phù hợp.



Tuam Khaab với Mùa Mua và 7 người khác.

18 tháng 5 · 🌐 ▼

Mời tham gia phỏng vấn sâu về tác động của dịch bệnh COVID-19 lên cuộc sống của người Lao động di cư là người dân tộc thiểu số

Chào mọi người,

Mình là Tũa, hiện đang tham gia hỗ trợ nghiên cứu cho Dự án Đi làm xa, một dự án thuộc Viện iSEE nhằm đánh giá tác động của dịch bệnh COVID-19 lên cuộc sống của những người Lao động di cư - những người đi học, đi làm xa nhà là người dân tộc thiểu số.

Tham gia khảo sát này là một cách để giúp xã hội hiểu hơn về những tác động của dịch bệnh với những đối tượng đa dạng khác nhau, và qua đó hiểu hơn, có thể chuẩn bị tốt hơn cho những sự kiện tương tự trong tương lai.

Nếu bạn nào là người dân tộc thiểu số, đi làm, đi học xa nhà và có trở lại quê nhà trong đợt giãn cách xã hội hồi tháng 4 vừa rồi và sẵn sàng chia sẻ câu chuyện của mình thì cho mình xin thông tin để hẹn trao đổi nhé.

Mình có thể trao đổi online qua Facebook, Messenger, điện thoại hoặc gặp trực tiếp. Và mình cần tối thiểu 90 phút cho cuộc trao đổi này.

Vậy các bạn nào sẵn sàng tham gia hoặc biết ai phù hợp thì giúp mình chia sẻ, kết nối nhé.

Cảm ơn nhiều,

Tũa

Về dự án Đi làm xa: <https://www.facebook.com/dantocthieusodicu/>

Về Viện iSEE: <https://www.facebook.com/iseevn/>

Chúng tôi đã liên hệ tới 3 nhóm dân tộc thiểu số là người Mông (từ mối quan hệ cá nhân của Tũa và Bê), người Thái (thông qua Hoa - trưởng nhóm Sinh viên dân tộc Thái ở Hà Nội) và một thanh niên người Dao mà Bê quen từ trước. Tuy nhiên, những trường hợp đồng ý phỏng vấn đều là người Mông. Từ các mối quan hệ cá nhân, chúng tôi liên hệ 16 người, từ các mẫu gợi ý sau bài đăng của Tũa trên trang Facebook cá nhân vào ngày 18/5/2020, chúng tôi liên hệ thêm 8 người nữa. Tổng cộng là 21 người được liên hệ tham gia phỏng vấn. Chủ yếu chúng tôi sử dụng Facebook Messenger làm công cụ kết nối để nói chuyện. Ngoại trừ hai trường hợp M., Si. và S. được giới thiệu thông qua mối quan hệ bạn bè. Từ những mẫu đó, tôi lọc sơ bộ dựa vào các yếu tố: Là người dân tộc thiểu số, đi làm/học xa nhà (khỏi huyện sở tại), đã về quê trong đợt giãn cách xã hội và tham gia nghiên cứu trên tinh thần tự nguyện. Yếu tố đa dạng về xuất thân, nghề nghiệp cũng được tôi ưu tiên lựa chọn tham gia phỏng vấn.

Trong 21 người chúng tôi liên hệ, có 13 người thuộc nhóm đối tượng ở lại thành phố và 9 người về nhà trong đợt giãn cách xã hội. Những người còn lại từ chối vì lý do cá nhân: 03 người phản hồi rằng vì tự cảm thấy mình không phù hợp với nghiên cứu; 03 người vì lịch làm việc quá kín và không thể sắp xếp thời gian trò chuyện; 02 người đã nhận lời phỏng vấn nhưng không liên lạc lại được sau đó; 01 còn lại thì từ chối phút chót do vấn đề về việc phát sinh đột xuất và đã không còn muốn tiếp tục tham gia nghiên cứu.

12 người tham gia còn lại, độ tuổi từ 20 đến 27 tuổi. Trong nhóm về quê, một người là thợ may cho công ty dệt trước mùa dịch và không thể đi làm lại sau nghỉ Tết, đồng thời khi dịch bệnh diễn ra; một người là sinh viên đại học năm cuối, đồng thời kinh doanh nông sản trên mạng; một người lao động tự do; một người làm hướng dẫn viên du lịch, một người là sinh viên đại học năm cuối đồng thời là thu ngân cho chuỗi siêu thị ngoài giờ học; người còn lại là thợ sửa xe máy ở Hà Nội. Trong nhóm ở lại thành phố, một người là xe ôm, một người nhân viên văn phòng, một người là HDV du lịch, một người bán hàng online, một người sửa xe máy và một người là tổng đài viên điện thoại về dân tộc thiểu số. Trong số này có 05 người thuộc nữ giới, 07 người thuộc nam giới. Độ tuổi từ 20 đến 27 tuổi, 09 người đang độc thân, 02 người mới lập gia đình (đều là trường hợp về quê), 01 người là mẹ đơn thân ở lại thành phố, tất cả đều tự coi mình là một trong những lao động tạo ra thu nhập chính cho gia đình.

Quá trình phỏng vấn của nghiên cứu diễn ra vào cuối tháng 5/2020, khoảng hơn 1 tháng sau thời gian giãn cách xã hội đầu tháng 4 đi qua. Khi đó, đa phần những người đi làm xa trở về quê đều đã quay trở lại thành thị đi làm, đi học. Nên cả hai trường hợp về quê hay ở lại thành phố trong đợt cách ly đều được thực hiện tại Hà Nội.

Tủ thực hiện phỏng vấn trực tiếp đối với 04 mẫu, phỏng vấn qua chức năng gọi thoại của mạng xã hội Facebook 01 mẫu. Với 04 mẫu phỏng vấn trực tiếp: 02 mẫu nữ giới là M. và V. là bạn học của nhau hồi cấp 3, Tủ có quen với M. từ trước. Cuộc phỏng vấn được hẹn ở quán trà sữa Toco Toco trên phố Núi Trúc, quận Ba Đình, Hà Nội để cùng nhau trò chuyện về chủ đề COVID-19 và tác động đối với người đi làm xa là người dân tộc thiểu số. Đây là hai mẫu đầu tiên Tủ thực hiện phỏng vấn, chúng tôi trò chuyện với nhau như những người bạn tâm sự. Cuộc trò chuyện kéo dài gần 03 tiếng đồng hồ xoay quanh chủ đề này. 02 mẫu phỏng vấn trực tiếp còn lại của Tủ đều là nam giới, khá thông thạo đường phố Hà Nội và có thể tự tìm đường đến một địa điểm thân thuộc với người Mông Hà Nội là quán cà-phê của Doanh nghiệp Xã hội Sapa O'Chau trên phố Hàng Muối. Tuy nhiên vì quán Cafe Sapa O'Chau đã đóng cửa do dịch bệnh và đã trả địa bàn nên cuộc phỏng vấn diễn ra tại một quán cà phê gần đó. Cả hai cuộc phỏng vấn này đều diễn ra trong khoảng 80 phút, được ghi âm lại, và được tiến hành bóc băng phỏng vấn sau.

Bê thực hiện phỏng vấn trực tiếp cả 6 mẫu. 6 người này Bê đều quen qua các hội nhóm thanh niên người Mông xa quê. C., Q., M., S. từng tham gia Tết Mông xuống phố - sự kiện lớn nhất của người Mông tại Hà Nội. Đ. là bạn của Hồ, một người có khả năng liên kết nhiều hội nhóm người Mông di cư. Trong khi D. và Bê đều là thành viên của AHD - Action for Hmong Development. 2 buổi phỏng vấn với C. và D. diễn ra tại phòng trọ tại Cổ Nhuế. C. đến phòng Bê vào một chiều mưa. Buổi phỏng vấn diễn ra trong 120 phút, sau đó mưa to C. không về được, hai anh em nấu cơm, tâm sự về đời sống cá nhân. Các buổi phỏng vấn khác đều diễn ra ở quán Cafe gần phòng trọ của nhân vật tại quận Từ Liêm, đây là một quận mới mở rộng

của thành phố, nhiều làng, ít quy hoạch mới, vẫn còn nhiều gia đình cho thuê nhà giá rẻ và không quá xa trung tâm. Riêng trường hợp M., Bê phỏng vấn tại quán cafe ở Liễu Giai. Cuộc phỏng vấn kéo dài 100 phút, sau đó người yêu của chị đưa con của chị đến. Buổi phỏng vấn chuyển sang tâm sự giữa 2 người trong khi con của chị ngồi ăn kem chuối bên cạnh. Tại thời điểm phỏng vấn, D., Đ. và C. vẫn tiếp tục công việc cũ là tổng đài viên, sửa xe máy và nhân viên giao hàng. M. đang đợi kết quả thông báo làm việc ở một nhà hàng. Còn S. và Q. đang thời gian nghỉ và lựa chọn hướng đi tiếp theo cho công việc. Tất cả buổi phỏng vấn để được ghi chép, ghi âm lại và bóc băng sau này.

Sau khi tiến hành phỏng vấn, chúng tôi vẫn giữ liên lạc với các mẫu phỏng vấn và tham gia hỗ trợ mọi người khi mọi người cần. Thời gian sau đó, G.T.V đã nhờ Tủa và M.T.M tìm một nơi làm việc mới ở Hà Nội, sau gần 01 tháng tìm hiểu và tham vấn, V. quyết định đi học nghề bếp nơi Trung tâm dạy nghề nhân đạo KOTO. G.A.S cũng có nhu cầu kết nối một công việc mới liên quan đến du lịch, và Tủa đã giúp kết nối A.S với một doanh nghiệp xã hội ở Mù Cang Chải để S. qua đó thử việc. M. đã dừng hẳn công việc của 1 hướng dẫn viên du lịch, chị vừa đi làm ở nhà hàng và làm bán bảo hiểm để nuôi con.

Đến cuối tháng 06, khi chúng tôi đang thực hiện báo cáo nghiên cứu này, chúng tôi vẫn liên lạc lại với các nhân vật phỏng vấn qua Facebook Messenger để làm rõ một số ý trong quá trình phỏng vấn mà tôi chưa nắm rõ. Đặc biệt là để cập nhật về triển khai gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ của Chính phủ liên quan đến nhóm này. Bởi khi thực hiện phỏng vấn, chỉ có duy nhất 01/12 người tham gia phỏng vấn đã được hỗ trợ, 11 người còn lại, hoặc không hoặc chưa được nhận gói hỗ trợ này.

II. Kết quả nghiên cứu

1. Tác động của dịch bệnh COVID-19 về sinh kế

Những người di cư về quê

Với những người di cư, về quê là chuyển dịch từ “ổ dịch” về nơi an toàn: không có người nhiễm bệnh, không bị cách ly xã hội, có đất nông nghiệp và có sẵn lương thực. Đồng nghĩa với việc này, là sự thay đổi vị thế, từ một cá nhân độc lập có khả năng chu cấp tiền về cho gia đình ở quê trở thành một thành viên phụ thuộc việc sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình. Những mẫu phỏng vấn đều trả lời về tác động của dịch bệnh tới họ là tới gia đình, những cách ứng biến trong tình hình dịch bệnh là ứng biến theo hộ gia đình.

Những người tham gia phỏng vấn đều cho rằng mình và bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 nhưng không quá lớn. Hậu quả không hoặc ít xảy tới trực tiếp, mà là ảnh hưởng về lâu về dài, khó hoặc không nhìn thấy ngay lập tức như thiên tai. Mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh lên mỗi người đi làm xa và gia đình là khác nhau. Điểm chung là mọi người đều có gia đình, có lương thực, cơm ăn qua bữa nên không phải lo quá nhiều.

“Ngày xưa ở dưới phố thì cần tiền. Nhưng về quê [đợt nghỉ dịch] có cơm ăn, nhà ở nên chi tiêu cá nhân ít ấỵ. Em cũng không bị ảnh hưởng quá nhiều. Chỉ mua thứ thật sự cần thiết như muối ăn, đồ dùng cá nhân thôi.” (V., 23 tuổi, thợ may, nữ, Nậm Pồ, Điện Biên).

“Nhà anh hạn chế chi tiêu đi, chỉ mua thứ thật sự cần. Nhưng mà cũng không thay đổi quá nhiều vì xưa nay mọi người vốn thế rồi. Cơm ăn có đủ nên không phải lo chi quá nhiều.” (Si., 27 tuổi, hướng dẫn viên du lịch, nam, Mù Cang Chải, Yên Bái)

“Thu nhập chính của gia đình em là do làm nông, nuôi lợn, gà, bò thôi nên là cũng không có gì quá ảnh hưởng. Không có tiền thì vẫn có cơm gạo ăn, làm một mùa ăn được hơn năm nên cũng không có gì quá đáng lo. Chỉ có mỗi đoạn là lợn, gà không bán được đúng tiến trình nên ăn cá, ngô hơi tốn so với trước, với gà đi nên cũng mất giá.” (P., 20 tuổi, lao động tự do, nam, Vân Hồ, Sơn La)

Song hành với lợi thế của đời sống nông nghiệp gia đình, những người đi làm xa trở về quê trong đợt giãn cách xã hội đã mất thu nhập từ công việc ở dưới phố - nguồn thu nhập chính về tiền mặt cho gia đình. Khi lựa chọn đi làm xa, những người này sẽ là nguồn tài chính chủ yếu của gia đình, và số tiền đó dùng để chi trả cho những công việc cần đến tiền như mua nguyên vật liệu cho nông nghiệp (phân bón, giống), chi trả chi phí sinh hoạt cơ bản (muối ăn), hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh (sách vở, chi tiêu vật). Khi công việc đi làm xa không còn được duy trì do dịch bệnh, những người đi làm xa này phải chuyển đổi cách thức đóng góp cho gia đình từ tiền sang công lao động. Những người tham gia phỏng vấn sâu đã chia sẻ về cảm giác này như là một sự thích nghi mới. Có người thì phải làm quen lại với công việc đồng áng do đi làm xa nên không làm công việc này đã vài ba năm. Có người thì cảm thấy “thiếu thiếu” khi không đóng góp được đồng tiền cho những chi tiêu cần thiết của gia đình.

“Ở dưới kia đi làm thì cảm giác ít ra mình cũng làm ra đồng tiền, có đóng góp rõ ràng cho gia đình. Còn mình ở nhà thì ăn bám bố mẹ thôi. Không làm ra đồng nào hết trơn.” (V., 23 tuổi, thợ may, nữ, Nậm Pồ, Điện Biên)

“...đợt này ở nhà không có tiền, không giúp bố mẹ mua phân bón, giống được nên hơi áy náy.” (Si., 23 tuổi, nữ, thu ngân, SaPa, Lào Cai).

Trước hoàn cảnh này, gia đình và những người di cư trở về quê có những chiến lược thích nghi khác nhau. Có gia đình sẽ giảm lượng thức ăn của gia súc, gia cầm xuống vì chẳng nào trong mùa dịch cũng không bán được lợn, gà, bò. Có gia đình vay phân bón, giống mùa vụ (ngô, lúa) từ chính quyền xã và hàng tạp hóa tại địa phương với mức vay là vay 1 trả 3, trả sau khi thu hoạch.

“Với gà, lợn, bò thì nhà em cho ăn ít hơn bình thường để giảm chi tiêu, vì chẳng nào cũng không bán được.” (P., nam 20 tuổi, lao động tự do, Vân Hồ, Sơn La).

“Nhà em cũng mua được một phần, phần còn lại thì xã cho vay, quán bán cũng cho vay sau này thu hoạch thì trả. Dù phí vay cũng cao, vay một thì khi thu hoạch sẽ trả tằm 3 lần, nhưng đợt này đang không có thu nhập nên đành chịu anh. Em rất muốn quay trở lại Sài Gòn đi làm kiếm tiền phụ bố mẹ mua mà không được. Nói chung vay rồi, em đi làm sẽ gửi về trả dần với cả chắc có thu hoạch bố mẹ bán ít để trả ấy.” Si., 23 tuổi, nữ, thu ngân, Sapa, Lào Cai)

Internet đã giúp thu hẹp một phần những khoảng cách vật lý. Cá biệt, trong những người tham gia phỏng vấn thì có nghề kinh doanh nông sản trên mạng xã hội Facebook vẫn được duy trì tương đối hiệu quả. Vẫn có nhiều khách hàng đặt mua các sản phẩm liên quan trực tiếp tới sức khỏe như mật ong rừng. Dù vậy, không dễ để khâu vận chuyển hàng được suôn sẻ do hệ thống xe khách - kênh vận chuyển hàng chính từ trên miền núi xuống dưới xuôi - đã nghỉ, còn bên bưu điện không nhận gửi các loại hàng đặc thù như mật ong. Ở đây, c, dù có vai trò thu hẹp của Internet, khoảng cách giữa miền núi và miền xuôi dường như bị kéo dài hơn giữa giai đoạn giãn cách xã hội

Mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 còn phụ thuộc vào sự phân chia tài nguyên sản xuất nông nghiệp. Tất cả 6 mẫu tham gia phỏng vấn là người đi làm xa về quê đều lấy việc bám trụ vào làm nông nghiệp như một giải pháp nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của dịch bệnh về lâu về dài. Nhưng từ những câu chuyện đó, một thực tế được tái hiện rõ là:Tài nguyên nông nghiệp như đất ruộng, đất nương không đủ để nuôi sống toàn bộ những người được sinh ra trên vùng đất đó. Điều đó góp phần dẫn tới việc những người trẻ này lựa chọn đi làm xa như một giải pháp. Và quan trọng hơn nữa, khi một điều bất trắc như dịch bệnh xảy ra, dễ dàng nhận ra những gia đình có tài nguyên ruộng, nương sản xuất lương thực đủ để tự cung ứng sẽ đỡ cảm thấy bị ảnh hưởng hơn như gia đình của P. và Si. Những gia đình thiếu đất canh tác cây lương thực, hoặc có canh tác cây công nghiệp phụ thuộc vào thị trường sẽ cảm thấy bị ảnh hưởng trực tiếp hơn, như ví dụ của gia đình V. thu được hơn 10 lít tinh dầu xả và không thể bán được, dù đã giảm giá bán đến quá nửa.

Canh tác đình trệ và ảnh hưởng về lâu dài cũng là một vấn đề được đề cập bởi những người tham gia nghiên cứu. Như trường hợp của gia đình P., về cơ bản việc không bán được lợn, gà, bò sẽ chưa gây ra tác động trước mắt có thể nhìn thấy ngay do gia đình P. vẫn có đủ lương thực ăn và chăn nuôi, nhưng gia súc, gia cầm sẽ bị quá tuổi xuất chuồng, làm mất giá và khó bán về sau, chưa kể việc tổn kém, cỏ cho ăn như lợn P. kể. Điều này thường ít được đề cập khi nhắc tới ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 đối với nhóm những người làm nông nghiệp, do đó, khi triển khai các gói hỗ trợ, những gia đình bị ảnh hưởng lâu dài như trường hợp này thường không được để tâm tới.

Cuối cùng là tác động của Covid-19 tới canh tác nông nghiệp qua hình thức đổi công: Ở các vùng quê mà những người tham gia phỏng vấn này ở từ Vân Hồ (Sơn La), Mù Cang Chải (Yên Bái), Sapa (Lào Cai) tới Nậm Pồ (Điện Biên), bà con vẫn quen đổi công để tiết kiệm thời gian và công sức đồng thời tăng năng suất lao động. Khi tiến hành đổi công, một ngày thường một nhóm lao động sẽ hoàn thành việc làm mùa cho ít nhất một gia đình, từ cấy lúa, trồng ngô, làm cỏ cho đến thu hoạch hoa mùa. Nhưng trong đợt giãn cách xã hội, họ không được phép tiến hành đổi công, điều đó dẫn tới việc làm chậm lại quá trình canh tác nông nghiệp:

“Đợt giãn cách xã hội đó, bên trường thôn thông báo là không cho các gia đình đổi công cho nhau nên nhà ai tự làm việc người nấy, thế là làm nương ngô cũng vất vả đấy anh, làm cũng lâu mà không có hiệu suất nhiều như trước. Tự mình đi làm một mình, thế là phải đi làm lâu mới xong.” (P., 20 tuổi, Vân Hồ, Sơn La)

Những người ở lại thành phố

Trái với những người di cư về quê, những người di cư ở lại thành phố chịu tác động của dịch bệnh một cách trực tiếp và mang tính cá nhân. Giãn cách xã hội khiến những hỗ trợ từ gia đình ở quê không chuyển tới được thành phố. Công việc của họ, vốn thu nhập theo ngày và đa phần không có hợp đồng. Họ vẫn chịu những áp lực của tiền nhà trọ trong khi giá thực phẩm tăng trong thời gian dịch bệnh. Để tiếp tục tồn tại ở thành phố, người lao động di cư chọn cách tiếp tục đời sống mưu sinh thay vì tạm nghỉ, tạm ngừng như những người có nhiều vốn xã hội, vốn kinh tế tại thành phố. Đây là thái độ chủ động ứng biến, điều mà người lao động phổ thông phải thực hiện hằng ngày trong đời sống bấp bênh vốn có của họ.

Trong thời gian cách ly xã hội, thông điệp chính về cách ứng phó với Covid-19 là “Ở nhà”: khẩu hiệu “Ở nhà là yêu nước” trên các kênh truyền thông chính thống của Đảng và Nhà nước (truyền hình quốc gia, báo dangcongsan.vn), hashtag #hayonha trên mạng di động Viettel, Vinaphone. Những diễn ngôn này biểu hiện một yêu cầu của Nhà nước tới một hành động tập thể để bảo vệ cộng đồng trước đại dịch. Tuy nhiên, 4/6 mẫu phỏng vấn đều không ở nhà trong thời gian cách ly, họ vẫn ra đường đi làm và tiếp tục cuộc sống mưu sinh qua ngày của họ:

“Em có cách ly đâu, những người Hà Nội họ ở nhà hết. Nhưng với em thì vẫn diễn ra bình thường, em vẫn ra ngoài đi ship hàng. Việc đấy có thể là em không thực hiện tốt vấn đề cách ly, nhưng lúc đó em cũng gặp khó khăn, không có tiền ăn thì bắt buộc em phải đi kiếm sống, kiếm ăn.”(C.)

“Đợt ấy còn bảo là làm việc tại nhà, nhưng em chọn đi làm ở công ty, vì ở nhà thì phải đảm bảo mạng kết nối tốt, gặp khó khăn thì mình phải chấp nhận không ai hỗ trợ, gặp khách hàng khó tính thì mình phải tự giải quyết một mình.”(D.)

“Mới ra trường, lại dịch nữa, họ thì cần người, mình cần việc nên làm thôi.” (S.)

Những hành động này không phải người di cư không muốn thực hiện việc cách ly, mà do cuộc sống bấp bênh, công việc không có hợp đồng (shipper, bán hàng) khiến họ buộc phải mưu sinh nếu không sẽ không đảm bảo được đời sống thường nhật, nhất là khi mọi mối liên kết xã hội (vốn xã hội) tạo ra công việc cho họ hiện giờ đều bị “cách ly” còn gánh nặng tiền nhà tiền ăn vẫn treo trên đầu. Duy trì khả năng kiếm sống, không phụ thuộc hoàn toàn vào công việc hiện tại là lựa chọn của những người lao động phổ thông. Khác với tình trạng dừng công việc tạm thời như những người đi làm có hợp đồng khác. Một mẫu phỏng vấn khác, được thực hiện gần đây với T. (người Mông, công nhân Bắc Ninh): “Ở nhà máy mình vẫn đi làm bình thường, chỉ dừng sản xuất trong 1 tuần thôi. Họ có thể cho mình nghỉ bất cứ lúc nào, nhưng mình không lo lắng. Thương những người đi làm theo ngày, mấy tuần rồi họ không có việc”.

Chiến lược thích ứng với tình trạng cách ly xã hội của người di cư thành thị đa dạng, mang tính cá nhân và theo các ngành nghề khác nhau. Những người lao động tự do, và được phép hoạt động trong đợt dịch như shipper vẫn duy trì công việc của

họ (C.), trong khi nhân viên sale (Q.) làm việc ở nhà, các tổng đài viên (D. và N.) vẫn lên công ty làm việc. Duy nhất trường hợp hướng dẫn viên du lịch (M.) phải nghỉ hoàn toàn và sống dựa vào thu nhập của người nhà. Trong thời gian đó, M. đi tìm công việc khác và hiện giờ đang làm 2 việc một lúc. Cách lựa chọn công việc và cách thức làm việc dựa theo điều kiện cá nhân và bối cảnh mà đại dịch tạo nên. Những tác động của nó thể hiện sự phân bố lại các nguồn lực sản xuất trong xã hội, cung và cầu thay đổi. Công việc shipper (C.) tăng cầu nhưng số lượng người lao động tự do như lái xe công nghệ (Grab), khuôn vác chuyển sang làm shipper cũng rất lớn (tăng cung), khiến công việc tưởng như hấp dẫn nhất trong thời gian cách ly, lại đem về nguồn thu bấp bênh hơn ngày thường. Tổng đài viên dân tộc thiểu số (D.) và bán đàn online (S.) tăng thu nhập bởi nhu cầu được cập nhật thông tin về dịch bệnh và phục vụ đời sống của người ở nhà tăng cao. Q. - nhân viên sale, duy trì công việc của mình bằng cách làm việc ở nhà. Riêng trường hợp M. (hướng dẫn viên du lịch) phụ thuộc hoàn toàn vào tài chính của người yêu:

“... Đợt đấy grab và goviet nghỉ chạy khách, cho nên dừng một phát, tài xế đăng ký giao hàng hết, đông cực kỳ luôn. Đầu mùa cách ly chạy cả ngày thì cũng được khoảng 400.000đ, nó bấp bênh lắm.” (C.)

“Đợt này họ gọi điện hỏi nhiều kinh khủng luôn. 2/3 cuộc gọi toàn hỏi đến Covid thôi... Những ngày đấy thì lên khoảng 100 - 120 cuộc/ca làm... Lương cơ bản là 5 triệu thôi, nếu chăm chỉ làm thì cũng được nhiều, như tháng 4 vừa rồi em tập trung thì lương cũng được 10 triệu” (D.)

“...Chị nghỉ cuối tháng 2 dưới tàu, hai mẹ con ở nhà. Anh đi đăng ký chạy grab để nhà chị sống qua ngày ấy chứ...” (M.)

Các chiến lược thích nghi này phần nào thể hiện tác động của đại dịch lên người lao động có hợp đồng và không có hợp đồng. Tuy đều là người lao động phổ thông, có xu hướng thay đổi công việc liên tục - sau thời gian cách ly 2/4 mẫu là lao động có hợp đồng đi làm công việc khác - những lao động có hợp đồng được đảm bảo về thu nhập và có nhiều phương án lựa chọn thay đổi công việc, cách làm việc hơn người lao động không có hợp đồng. Q., D., N. và S. có thể lựa chọn làm ở nhà hoặc ở công ty và vẫn đảm bảo thu nhập tối thiểu; hết thời gian cách ly Q. và S. có thể tìm công việc mới. Trong khi M. phải dừng hẳn việc đang làm, C. tiếp tục kiểm tiến theo ngày và chịu sức ép trực tiếp từ thay đổi cung cầu của thị trường.

2. Tác động từ các gói hỗ trợ xã hội

Gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ của Chính phủ

Một trong những vấn đề được lưu tâm và gây chú ý nhất trong đợt giãn cách xã hội 23 ngày bởi dịch bệnh COVID-19 là các gói cứu trợ, hỗ trợ và việc triển khai chúng. Đặc biệt là gói hỗ trợ 62.000 tỷ đồng được triển khai bởi Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện thông qua Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg Quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Bức tranh chung về việc triển khai gói hỗ trợ này từ góc nhìn của những người đi làm xa cả trường hợp trở về quê và ở lại thành phố là họ bị ngoài lề hóa, và không được nhận hỗ trợ từ gói 62 nghìn tỷ này. Đến thời điểm thực hiện phỏng vấn sâu

của chúng tôi với những người đi làm xa trở về quê diễn ra vào cuối tháng tháng 5, khoảng 1 tháng khi gói 62 nghìn tỷ được triển khai, và ở thời điểm hoàn thành nghiên cứu này vào cuối tháng 6, hơn hai tháng sau khi triển khai, những người đi làm xa trở về quê, hoặc là được nhận hỗ trợ bởi gia đình thuộc diện hộ nghèo (đối tượng hỗ trợ số 5), hoặc không được nhận hỗ trợ, dù thuộc diện lao động tự do (chạy xe mô tô 2 bánh, làm trong lĩnh vực du lịch thuộc đối tượng hỗ trợ số 4) trong danh sách những đối tượng được hỗ trợ trong quyết định được ký bởi thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc.

Cả 12 người tham gia phỏng vấn khi được hỏi về gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ đều lấy tiêu chí gia đình thuộc hộ nghèo hay không để trả lời xem mình có thể được nhận hỗ trợ hay không, dù đối tượng lao động mất việc làm và lao động tự do cũng thuộc diện được hỗ trợ trong gói 62 nghìn tỷ.

“Nhà em không có trong danh sách hộ nghèo nên em biết chắc chắn mình chẳng được hỗ trợ gì nên em không để ý, cũng không đi hỏi” (G.A.P, chạy xe ôm ở Hà Nội, về quê ở Vân Hồ, Sơn La)

“Không. Chính quyền và công ty đều không vì nhà anh không thuộc diện hộ nghèo nên không nhận được hỗ trợ. Cũng có nghe bảo là người ta nhận được hỗ trợ mấy triệu đấy nhưng mà anh thấy con số mấy chục tỷ thì to lắm nhưng chia ra thì chẳng được bao nhiêu, chẳng giải quyết được gì nhiều nên cũng không để ý. Bèn mà anh làm thì lại được coi là lao động tự do nên cũng không trong diện hỗ trợ dù anh thất nghiệp nên cũng chẳng quan tâm đến nó nữa.” (G.A.S, hướng dẫn viên du lịch, về quê ở Mù Cang Chải, Yên Bái)

“Ở nhà em, không biết sao không được hỗ trợ, nhiều hộ họ nhận được rồi mà nhà em thì không được nhận. nhà em thuộc cận nghèo mà không nhận được.” (D. Tổng đài viên ở Hà Nội)

“Gia đình em được nhận hỗ trợ của nhà nước, mỗi người 250.0000 vì gia đình hộ nghèo.” (C. shipper ở lại Hà Nội)

Việc triển khai thực hiện gói hỗ trợ này ở mỗi địa phương là khác nhau, do cán bộ phường/ xã thực hiện. Có địa phương đã được nhận, dựa trên tiêu chí hộ nghèo như Vân Hồ (Sơn La), Mù Cang Chải (Yên Bái), Cao Bằng, Sapa (Lào Cai), có nơi thì đến giờ vẫn chưa có thông tin về triển khai gói hỗ trợ như Nậm Pồ (Điện Biên). Ở các địa phương đó, những người đi làm xa đều không được xét duyệt hỗ trợ, mà chỉ triển khai hỗ trợ cho nhóm bảo trợ xã hội như hộ nghèo, người già neo đơn, ... Việc này đặt ra một câu hỏi về sự cấp thiết của các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội trong danh sách các đối tượng được hỗ trợ. Các gói hỗ trợ này cũng thường do bên thôn, xã lập danh sách và người dân thụ động được nhận như trường hợp của M.T.M gia đình được nhận vì hộ nghèo - như một mặc định, không có thắc mắc, hay kể cả những người không được nhận như 05 mẫu còn lại cũng không có ý định thắc mắc hay góp ý.

Trường hợp những người di cư ở lại Hà Nội không được nhận gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ do cả lý do khách quan và chủ quan. Gói hỗ trợ này được thực hiện theo phường, những người di cư không có hộ khẩu và không có giấy tờ tạm trú nên họ không đủ điều kiện của đối tượng hỗ trợ số 4: “cư trú hợp pháp tại địa phương”. Tuy nhiên, bản thân người di cư cũng không ý thức về việc người lao động tự do được nhận hỗ trợ. Những lý do như không có hợp đồng, chỉ phát cho người tại phường khi nghĩ về hỗ trợ xã hội thể hiện rằng họ đã “tự loại trừ” bản thân trong mối quan hệ với chính quyền.

“Chị làm cộng tác viên tự do với các công ty, không có hợp đồng chính thức cho nên là không được hỗ trợ gì. Chị biết gói hỗ trợ nhưng không biết làm thế nào để được nhận được hỗ trợ”(M. Hướng dẫn viên du lịch ở lại Hà Nội)

“Em biết mấy cây gạo ATM miễn phí, nhưng họ chỉ hỗ trợ những người thuộc phường thôi” (C. shipper ở lại Hà Nội)

Việc ưu tiên chính quyền địa phương thực hiện hỗ trợ hộ nghèo và đối tượng được nhận bảo trợ xã hội trước, trong khi những trường hợp cá nhân/ doanh nghiệp phải tự đề xuất lên tạo ra mất bình đẳng giữa những nhóm được hỗ trợ. Vào lúc 14:00 ngày 29/6/2020 trên báo điện tử VTCnews có bài báo mang tên: “Người chết, kẻ đi tù vẫn có tên nhận tiền hỗ trợ COVID-19 ở Gia Lai”. Nội dung bài báo nói về việc “Hơn 1.200 người thuộc diện đã chết, đi tù hay hộ nghèo, cận nghèo trùng tên nhau vẫn nghiễm nhiên ‘lọt’ vào danh sách nhận tiền hỗ trợ COVID-19 ở huyện Chư Păh.” Trong khi đó, có những gia đình thật sự cần được hỗ trợ như gia đình G.T.S: Có 01 người đi làm xa vừa thất nghiệp do dịch bệnh, có 02 học sinh học xa, phải sử dụng Internet mà gia đình không có đủ thiết bị và chất lượng Internet để học, và gia đình không có khả năng chi trả vật tư nông nghiệp nên phải vay phân bón, giống từ chính quyền xã và tạp hóa địa phương với mức vay khá cao: Vay 1 trả 3. Trong những nhóm đối tượng phải chủ động đề xuất hỗ trợ này, những người lao động không có hợp đồng tiếp tục là những người yếu thế nhất. Họ không có bằng chứng chứng minh mức thu nhập hay công việc hiện tại, cũng không được hưởng những bảo trợ tại nơi họ lưu trú xa nhà.

Các gói hỗ trợ cá nhân

Bên cạnh gói 62 nghìn tỷ của Chính phủ, người lao động di cư đều nhận được sự hỗ trợ từ cá nhân như chủ nhà trợ giảm giá thuê phòng, khách hàng hỗ trợ thanh toán trước, gửi hàng sau dịch. Đặc biệt, những hỗ trợ từ các tổ chức tự phát tại Hà Nội như ATM Gạo, Siêu Thị Hạnh Phúc giúp đảm bảo đời sống người lao động xa nhà ổn định hơn trong thời gian cách ly.

Trước các chương trình hỗ trợ này, 5/6 mẫu phỏng vấn đều chủ động không nhận hỗ trợ từ các cây ATM gạo. Có hai lý do khiến những người này không nhận. Lý do thứ nhất là họ thấy mình vẫn có thể mua gạo, chưa đủ khó khăn, vẫn có khả năng lao động. Điều này thể hiện tâm thế chủ động của người lao động di cư tại Hà Nội mà tôi đã nhắc ở phần Sinh kế.

“...mùa Covid em cực kỳ khó khăn luôn, còn đi vay bạn cơ, nhưng mà em không đi lấy. Em nghĩ trong đầu là ai khó khăn quá thì đi lấy, em cứ ăn của em, nhường suất cho người ta, khi nào không cố được nữa thì lấy. Chứ không phải là em cứ thấy có miễn phí là em lấy, cố hết sức, khi nào mà không cố được nữa thì lấy...” (Q., nhân viên sale)

“Khi thấy gạo miễn phí, em cũng thốt lên, ùi mình cũng hết gạo rồi. Nhưng ở chỗ lấy gạo cũng xa, mà siêu thị thì có thể mua và mình vẫn còn tiền nữa, nên em bảo để ai thật sự cần thì lấy [...] Lúc đấy em nghĩ sinh viên là những người không có lương gì, họ là những người thật sự cần” (D., tổng đài viên tư vấn)

Lý do thứ hai là họ sợ bị đánh giá hoàn cảnh hay bị tấn công gián tiếp trên mạng xã hội. Nỗi sợ này sinh ra do họ nhận ra thái độ kỳ thị người đi nhận hỗ trợ qua ngoại hình (ăn mặc đẹp, đi xe ga) mà TV và mạng xã hội Facebook đưa lên. Bản thân họ lo lắng rằng mình có thể trở thành nạn nhân bị tấn công tiếp theo bất cứ lúc nào chỉ qua hình thức bên ngoài mà không

được hiểu nguyên nhân và hoàn cảnh khó khăn của mình. Mặc dù có những vấn đề nhất định về lương thực nhưng họ chọn sự chủ động, tìm cách ứng phó với dịch bệnh và bài toán mưu sinh hơn là đặt bản thân vào những rủi ro về mặt nhân phẩm có thể bị xâm hại:

“Có những người đi SH đến lấy là công an phường với bảo vệ đuổi đi luôn.”(S., bán đàn online)

“Có thể là họ đi SH, bình thường nhưng đâu có biết là họ đang bị kẹt, nhưng người ngoài nhìn đâu có biết là như thế nào. Những người đi SH đi lấy bị đuổi về, thì em nghĩ rất là nhục, đi lấy nhục mặt ra thì đi lấy làm gì. Em thấy việc đuổi người ta rất là sai lầm. Em thấy không đúng lắm. Có một chị đi xin bị đuổi về, người ta đi xin đã nhục lắm rồi, vác cái mặt đi xin đã nhục rồi lại còn bị đuổi về.” (Q. Nhân viên Sale)

Nỗi lo sợ bị kỳ thị được hiện thực qua trường hợp M. - hướng dẫn viên du lịch. Trong 6 người di cư ở lại Hà Nội, M. là người nhận tác động lớn nhất về sinh kế: dừng hoàn toàn công việc, phải nuôi con nhỏ, phụ thuộc hoàn toàn vào thu nhập của người yêu (chạy grab). M. đi nhận hỗ trợ sữa, nước mắm, dầu ăn và xì dầu ở Siêu thị Hạnh Phúc. M. đã bị chất vấn vì nhân viên siêu thị coi hướng dẫn viên du lịch không khó khăn và từ chối hỗ trợ lần sau: “Lúc chị đi đến thông tin họ hỏi chị làm công việc gì? tại sao lại đi lấy? chị cũng bảo chị làm du lịch, hiện đang gặp khó khăn. Mỗi phiếu của Siêu thị hạnh phúc một tháng được 2 lần, nhưng chị thì chỉ được nhận 1 lần, họ bảo là họ sẽ phát cho lần này, lần sau sẽ phát cho những người khó khăn hơn.”

Một lần nữa, những gói hỗ trợ lại không tới được tới những người có hoàn cảnh sống bấp bênh trong xã hội. Ngoài vị thế chủ động từ chối của người di cư, cơ chế “xin - cho” lại đẩy người nhận hỗ trợ rơi vào thế bị động. Cơ chế này tạo nên một sự mất cân bằng về quyền lực, khi người nhận hỗ trợ ở vị thế thấp hơn, dễ bị tổn thương (bị đánh giá, phát xét) còn người hỗ trợ ở vị thế cao hơn (được quyền đánh giá, được quyền phát ngôn trên truyền thông). Sự mất cân bằng quyền lực này khiến người di cư/ nhận hỗ trợ thấy rằng họ có thể bị ảnh hưởng tới nhân phẩm, chịu “nhục” thay vì thấy nó như một “lòng tốt”, “sự chia sẻ” mà truyền thông đưa tin.

Cả gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ lẫn các gói hỗ trợ tư nhân đều đặt người nhận hỗ trợ vào thế bị động hoặc đặt người lao động phổ thông ở vị trí mà họ khó tiếp cận. Ở gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ, người lao động phổ thông phải chủ động đề xuất lên chính quyền. Người lao động được đặt vào thế chủ động nhưng là chủ động trong lĩnh vực mà họ bị động. Sự hạn chế của vốn xã hội và lịch sử đời sống khiến họ luôn không nhận được các bảo trợ xã hội, luôn phải tự xoay xở trong một đời sống bấp bênh, không được nhận các bảo hiểm của nơi làm việc, không được bảo trợ tại nơi di cư khiến họ tự loại họ ra khỏi những tiếp cận mà họ được quyền. Mặt khác, những chương trình hỗ trợ cá nhân theo cơ chế xin - cho đã tạo nên một khoảng cách về quyền lực mà những người “phải xin” ở vị thế yếu hơn, bị đe dọa gián tiếp thông qua truyền thông, dễ bị tổn thương về nhân phẩm. Điều này cũng góp phần ngoài lề hóa người lao động di cư khỏi những hỗ trợ xã hội hướng tới họ.

3. Về liên kết xã hội

Ngoài các vấn đề liên quan tới sinh kế, lương thực; thời gian cách ly xã hội tạo ra những thay đổi trong những mối quan hệ trong gia đình và xã hội của người dân tộc thiểu số di cư. Một mặt, những người tham gia phỏng vấn cho rằng mối quan hệ giữa họ với gia đình được cải thiện hoặc thay đổi cách tương tác; mặt khác, người di cư gặp khó khăn trong giao tiếp với nhau

và với cộng đồng tại quê nhà. Trong liên hệ giữa người với người, cách ly - không chỉ là vấn đề của khoảng cách địa lý, mà còn tạo ra những lớp màng chắn giữa người với người.

Trước khi đi cụ thể vào những thay đổi của mối quan hệ xã hội tới người di cư, tôi muốn lưu ý về vị thế khác nhau giữa hai nhóm này. Vị thế của họ tạo nên những mối quan hệ khác nhau và những chuyển biến khác nhau theo vốn xã hội mà họ có. Tương tự thay đổi trong đời sống ở phần Sinh Kế, những người di cư về quê đã tạo ra cuộc va chạm của dòng di cư ngược với nơi mà họ trở về, cũng là thay đổi đời sống cá nhân ở đô thị trở về đời sống cộng đồng làng xã. Điểm chung của những người về quê và ở phố là sự thay đổi trong tương tác với gia đình. Tuy nhiên, người về quê có cơ hội tham gia trực tiếp mọi mặt trong đời sống gia đình, người ở thành phố chỉ có thể trao đổi thông tin với từng cá nhân trong gia đình qua hình thức trực tuyến. Những người ở lại thành phố, tiếp tục sống một cuộc đời cá nhân trong đô thị, mà hiện giờ còn đơn lẻ hơn khi bạn bè của họ đa phần đã về quê và không được phép gặp gỡ nhau. 2/6 mẫu phỏng vấn ở nhà người yêu; còn lại gần như tất cả mối quan hệ xã hội đều thông qua hình thức trực tuyến.

Với người di cư về quê

Những người gia phỏng vấn đều cảm thấy việc ở nhà lâu ngày đã giúp mọi người có mối liên kết bền chặt hơn với các thành viên trong gia đình và cộng đồng. Có người được các cháu trong nhà mến hơn, không còn sợ như sợ người lạ. Có người thăm được những người quan trọng lâu ngày chưa thăm.

“Lâu lắm rồi em mới được ở với gia đình lâu như vậy. [cười lớn, sáng khoái]. Cảm giác thật luôn. Từ khi học xong cấp 3 là em cứ đi đi. Về 3 4 ngày rồi đi. Giờ ở nhà quen rồi đi thì thấy nhớ lắm. Đợt này em ở nhà lâu nên các cháu cũng quý lắm. Mọi người mến, các cháu cho mình bế chứ không sợ như xưa.” - GTV

“...em rất ít khi ở quê nên đợt này em ở lâu quá nhiều người mới nhìn thấy em nên mọi người sùng sốt kiểu: ‘chốc đã lớn thế’... Ý là đợt này cũng cho em cơ hội được biết lại nhiều người trong họ hàng, dòng họ, vì em đi học tận Sài Gòn nên rất ít ở nhà, chẳng biết ai ấy, đợt này biết thêm nhiều người hẳn. Thấy ở quê cũng không quá chán.” - GTS

Tuy vậy, từ các liên kết xã hội và cách xử sự của cá nhân những người đi làm xa trở về quê - cộng đồng gốc của mình - ta có được nhiều bài học quan trọng về mối quan hệ cá nhân - cộng đồng, và cách một sự vật, sự việc được nhìn nhận qua từng lớp nghĩa khác nhau.

Diễn ngôn về COVID-19 tạo sự hoang mang, cảm giác chiến tranh và có một nhóm nào đó - cụ thể là bệnh nhân và những người nguy cơ mang mầm bệnh cần phải bị chống lại. Cách truyền thông đưa tin tương đối một chiều như sử dụng loa lưu động chạy khắp thôn để đọc về cách phòng tránh dịch bệnh và tình hình dịch bệnh cũng như thông điệp “chống dịch như chống giặc” đã cung cấp một sự cảnh giác lớn dành cho cộng đồng. Điều đó cũng vô tình tạo ra một tầng nghĩa mới cho dịch bệnh. Virus corona ở tầng nghĩa một là một mầm gây bệnh nguy hiểm, dễ lây lan và cần để phòng cản trọng. Nhưng việc so sánh dịch bệnh như ‘giặc’ - một kẻ thù mà nhân dân cần chống lại đã tạo ra một lớp nghĩa mới. Người ta đã khoác lên việc chống dịch bệnh nhiều lớp nghĩa mơ hồ, và thông tin được truyền đi không được đảm bảo tính chính xác cho người tiếp nhận. Điều đó dẫn đến cách cộng đồng tiếp xúc với những người bị nghi ngờ không còn là tiếp xúc như dịch bệnh, mà là một mối

nguy hại chung chung, mơ hồ. Điều đó dẫn tới việc, những người bị nghi ngờ dễ trở thành đối tượng bị tấn công như ca nhiễm số 17 và bị bắt nạt như trường hợp của P. sẽ được làm rõ ở dưới.

Trên chuyên mục Tin tức thuộc mục Sức khỏe của báo mạng Vnexpress ra lúc 13:31 thứ 7 ngày 7/3/2020 mang tiêu đề: “Tiến trình phát hiện bệnh nhân số 17”, các thông tin rất cá nhân như tên, tuổi, thân nhân của cô đã hoặc bên làm báo liệt rõ trong bài viết, hoặc những người đọc đưa ra trên mục bình luận. Và đa phần các bình luận đều chỉ trích, miệt thị ca số 17 như một người “ý thức tồi”. Trong danh sách 10 bình luận hiện lên đầu tiên, đều chứa các từ ngữ mang tính chỉ trích ca nhiễm 17 và gia đình như “có học mà vô trách nhiệm”, “chả có ý thức. Có tiền cũng không mua được”, “17 là ca nguy hiểm nhất cho người thân và cộng đồng”, “ca 17 ý thức kém quá”. Điều khiến người đọc “nghe mà phẫn nộ”, thậm chí đòi xử phạt.

Điều đó dẫn tới việc những người lao động đi làm xa trở về quê cần phải tự “thanh tẩy” chính mình để có thể hòa nhập với cộng đồng. G.A.P là một trường hợp như vậy. Chiều tối mùng 6 tháng 3 năm 2020, G.A.P nhận lời về Vân Hồ quay một sự kiện đám cưới với thù lao đã thỏa thuận là 200 nghìn một ngày quay vào hôm sau. P. dự tính sẽ về quay xong “kèo” này rồi quay trở lại Hà Nội để tiếp tục học phần dựng phim tại trung tâm đào tạo IT+, nơi anh theo học và sẽ tiếp tục công việc chạy xe ôm công nghệ để kiếm thêm thu nhập. Bởi không chủ đích về quê lâu, P. không mang nhiều đồ đạc cá nhân, trong balo anh chỉ có duy nhất hai bộ đồ, chiếc máy ảnh và phụ kiện máy ảnh, máy quay. Anh lái chiếc xe máy cá nhân của mình, tới một đoạn đường cách nhà cỡ 5 kilomet thì anh thấy cảnh hoàng hôn đẹp quá, vốn là người thích chụp ảnh nên P. dừng xe lại, lấy trong balo điện thoại và máy ảnh ra để chụp lấy cảnh hoàng hôn tuyệt đẹp này. Khi đã chụp xong, P. mới để ý tin nhắn từ các thầy trong trung tâm IT+ thông báo toàn trường nghỉ học do có ca nhiễm COVID-19 mới. P. tìm hiểu về lịch trình của ca số 17 và thấy mình không đến những địa điểm được nhắc tới, do đó, khả năng P. có nguy cơ bị lây nhiễm từ ca 17 là rất thấp. Tự tin như vậy, P. về nhà và sáng hôm sau vẫn tới quay cho đám cưới bình thường theo lịch trình, không thực hiện khai báo y tế hay tự cách ly. Tại đám cưới, mọi người vẫn giữ thái độ thân thiện, chào hỏi bình thường như mọi lần P. về, vì đây là đám cưới họ hàng nên toàn người quen khiến P. càng không cảm thấy lạ lẫm. Mọi chuyện chỉ bắt đầu trở nên căng thẳng khi có một cán bộ công an viên xã nhận ra P. và quát lớn: “Mày mới từ dưới Hà Nội về phải không?”. Tiếng quát đó và chữ Hà Nội được nhấn mạnh, dù P. đã giải thích về việc mình không tiếp xúc trực tiếp với ca số 17 và không đến những nơi ca 17 đã đi qua, vẫn bắt đầu tạo ra một chút e dè từ những người xung quanh. Nhận thấy điều đó, P. thực hiện nốt phần quay của mình rồi trở về nhà tự cách ly trong nhà 7 ngày, dù biết chắc mình không có nguy cơ lây nhiễm. Sau 7 ngày, thấy mọi người không còn nói về mình nữa, và bản thân mạnh khỏe, không ốm đau gì P. mới bắt đầu đi làm cùng gia đình và họ hàng.

Trong trường hợp của P. rõ ràng, anh không thực hiện cách ly xã hội vì lo ngại mình sẽ lây nhiễm bệnh cho mọi người mà vì anh muốn chứng minh cho cộng đồng thấy rằng, anh hoàn toàn trong sạch, và nghiêm túc tôn trọng sự an toàn của cộng đồng. Điều đó lý giải mối quan hệ giữa cộng đồng và cá nhân. P. một mặt tin cá nhân mình không có vấn đề và không phải mối nguy hại gì với cộng đồng, mặt khác, vẫn thực hiện cách ly để đảm bảo cộng đồng chấp nhận mình, không soi mói, gây rối dẫn tới sự khó hòa nhập trong cộng đồng.

Có những dấu hiệu cho thấy, virus corona hay COVID-19 đã không còn là một thông tin về dịch bệnh, cách phòng tránh, mà nó đã trở thành một nỗi sợ của mỗi cá nhân và cả cộng đồng. Điều đó đặt ra nguy cơ về những màn đấu tố, tấn công cá nhân như ở trên đã đề cập. Một phần, điều đó đến từ nỗi sợ trở thành đối tượng nguy hiểm và bị cộng đồng tấn công như P. hay ca nhiễm số 17. Một phần điều đó đến từ cách đưa tin về dịch bệnh một chiều. M.T.M cho rằng tại địa phương của cô, tiếng chiếc

loa chạy khắp bản được trưởng bản chở đi để phát thông tin về dịch bệnh COVID đã khiến cộng đồng thêm hoang mang hơn. Mỗi lần cái loa đó đi qua, lại có những người lớn tuổi nhắc nhở trẻ con và những người khác về việc phải cảnh giác với dịch bệnh. Một phần điều đó đến từ những thông tin không được đảm bảo là chính gốc. G.T.D, một tổng đài viên tiếng Mông của nhà cung cấp viễn thông Viettel chia sẻ rằng trong những ngày dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ vào đầu tháng 4 vừa qua, số cuộc gọi đến xin tư vấn đã tăng lên mạnh mẽ, trong đó, những cuộc gọi của người những người nói tiếng Mông chủ yếu hỏi về tình hình dịch bệnh và mức độ lây nhiễm dịch bệnh ở Việt Nam và trên thế giới. Trong khi, những người nói tiếng Kinh thì chỉ hỏi về các gói cước, như thông thường. Điều này đặt ra một giả thuyết về khả năng tiếp cận thông tin của những người nói tiếng Mông - những người ở miền núi, nhiều điều kiện từ cơ sở hạ tầng tới khả năng của người dân khiến thông tin không được đảm bảo. Điều này càng dễ dẫn người ta tới với những hành động tấn công người khác, khi họ được hoặc bị coi là người có nguy cơ lây nhiễm bệnh.

Sự tấn công, e dè, phân biệt đối xử đối với những người được hay bị coi là có nguy cơ lây nhiễm không chỉ tới từ cộng đồng như trường hợp của P. Cá biệt, V.A.Đ. một người trở về quê ở Cao Bằng vào ngày 31/3, một ngày trước khi chính thức thực hiện giãn cách xã hội còn bị cán bộ y tế địa phương kỳ thị. Đ. là một thợ sửa xe máy cho một tiệm sửa xe trên phố Huỳnh Thúc Kháng thuộc quận Đống Đa, Hà Nội đã được 3 năm nay. Trong đợt dịch bệnh, công ty và xưởng đều đã đóng cửa nhưng tiệm sửa chỗ Đ. làm vẫn mở cửa sau cho mọi người vào sửa xe khi cần, do đó, thợ sửa xe như Đ. không được nghỉ việc hẳn. Dù vậy, Đ. vẫn xin về quê:

“Lúc đó dịch cũng nhiều lên nên mình cũng sợ, cũng vì muốn về thăm bạn gái, và bố mẹ cũng gọi về nữa nên mình đã xin về, và nộp đơn xin nghỉ lần đầu thì không được phép nghỉ. Mình xin lần hai mới nhận được thông báo mình được phép nghỉ nên mình về luôn ngày 31/3.”

Đ. tự đi xe máy về, bắt đầu hành trình từ Hà Nội khoảng 9 giờ sáng và về tới nhà cỡ 5 giờ chiều. Trên đường về, qua các chốt kiểm dịch ở dọc đường, Đ. đều dừng lại, được đo thân nhiệt, thực hiện khai báo y tế mới tiếp tục hành trình. Vừa về tới, Đ. lập tức tới trạm y tế xã khai báo y tế, và hành vi kỳ thị của cán bộ y tế địa phương đã xảy ra ở đó, theo lời kể của Đ.:

“[...] khi về đến nhà luôn thì mình cũng tự đi khai báo y tế ở xã, và mọi người cũng rất hoảng loạn, các cô y tá thì đứng cách mình 5m, [...] mình đến tầng 1, cái cô y tá ở tầng 2 và nói to: “Em đừng lên đây nhá. Chị sợ em lắm rồi. Về nhà tự cách ly đi!”

Thực hiện cách ly, Đ. ra lán trong ruộng ở. Tuy nhiên, người trong bản và Đ. Vẫn giao tiếp bình thường, những người cần sửa xe vẫn đem xe đến cho Đ. sửa. Một lần nữa, việc cách ly không phải là cách để phòng dịch mà là một biện pháp gỡ nhãn “dịch bệnh” giúp Đ. tham gia lại cuộc sống cộng đồng.

“Khi có Trong thời gian cách ly ở lán mình cũng không làm gì, chỉ ở yên trong lán để cách ly thôi, ... mọi người cũng hay mang xe cho mình sửa, vì mọi người cũng biết là mình đi làm sửa xe ở Hà Nội, cứ thế trong thời gian cách ly và mình cũng cách ly được một tuần thì mình mới về nhà.”

Những nỗi sợ về bị tấn công, kỳ thị đã khiến những người về quê từ vùng dịch phải có những chiến lược khác nhau để được cộng đồng chấp nhận, như G.A.P và Đ. thì tự “thanh tẩy” bản thân bằng cách tự cách ly ở nhà, ở lán dù cho biết chắc mình không có nguy cơ nhiễm bệnh. Còn G.A.S thì có chiến lược khác.

G.A.S là một hướng dẫn viên du lịch tự do, đã làm trong nghề được hơn 1 năm, vào đợt cuối tháng 3, khi dịch bệnh có dấu hiệu bùng phát ở Việt Nam và trên thế giới, G.A.S. có một chuyến dẫn khách Tây lên Hà Giang. Trên đó, G.A.S. đã được trải nghiệm cảm giác bị soi xét, kỳ thị của cộng đồng đối với mình:

“Hôm đó anh đang dẫn một tour khách Tây đi Hà Giang. Trời ơi, tụi anh lên trên đó mà không sao kiếm được chỗ ăn, chỗ ở. Người dân kiểu sợ là không biết ông này bên nào tới, lúc đó bên Ý, Tây Ban Nha các thứ đang dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ nên là người dân sợ cũng phải. Kiểu họ sợ mấy ông khách nên là sinh ra sợ anh luôn. Bọn anh rất khó khăn để tìm chỗ ở, chỗ ăn nên quyết định đi về Hà Nội chứ không tiếp tục hành trình nữa.” (G.A.S)

Những trải nghiệm đó đã giúp G.A.S. đề phòng hơn khi quyết định về quê. G.A.S về quê vào ngày 24/3, một tuần trước khi lệnh giãn cách xã hội chính thức có hiệu lực bằng xe khách. Về quê, G.A.S. thực hiện khai báo y tế, đo thân nhiệt theo yêu cầu và tự cách ly tại gia. Mọi chuyện diễn ra tương đối ổn thỏa cho đến ngày hôm sau, S. bị sổ mũi, hơi sốt nhẹ kiểu “trúng gió”, dầm dể được hai ngày không khỏi, lúc đó mọi người xung quanh bắt đầu bàn tán về G.A.S., hàng xóm thì dặn dò trẻ con không được phép lại gần vì nghi ngại G.A.S. có khả năng bị nhiễm dịch COVID-19. Điều này khiến cho G.A.S. và gia đình rất lo lắng, G.A.S. cho rằng lo mình bị dịch thì ít mà lo mình và gia đình bị tấn công và khó sống với cộng đồng thì nhiều. Với anh cảm thấy mất niềm tin, vào mọi thứ, kể cả là hệ thống xét nghiệm dịch tễ.

“Điều đáng sợ nhất là mình thì chỉ bị trúng gió bình thường thôi, nhưng mà vì có tiếp xúc với Tây này nọ nên bị phán xanh rờm là nhiễm dịch. Lúc đó chẳng biết phải đặt niềm tin vào đâu. Chưa kể đi khám thôi, chưa nhiễm nhưng người dân đồn thổi này nọ, dễ thế lắm, thế là khiến gia đình, mọi người bị liên lụy.” (G.A.S)

Những nỗi lo này khiến S. và bố đến nhà một ông cựu cán bộ y tế địa phương để khám và bốc thuốc. Trước khi đến đó, bố G.A.S. đã nhiều lần dặn đi dặn lại G.A.S. phải nói dối là mình đã ở lại quê từ sau đợt nghỉ Tết và chưa đi làm, chưa xuống Hà Nội, nếu không sợ người thấy thuốc gần như là cứu tinh duy nhất của G.A.S. và gia đình lúc đó sẽ từ chối khám và bốc thuốc cho G.A.S. Cũng may, G.A.S. chỉ bị cảm thường, sau khi uống thuốc do ông thầy thuốc đó đưa, ngày hôm sau đã thấy khỏe trở lại.

Câu chuyện của S. không chỉ cung cấp một lát cắt nhỏ về nỗi sợ dịch bệnh, mà nó còn là nỗi sợ bị cộng đồng ngoài lề hóa. G.A.S. không sợ mình bị bệnh, vì anh và gia đình tin tưởng nếu có là nhiễm virus, thì vẫn sẽ được chữa khỏi thôi. Nhưng anh lo sợ mình sẽ trở thành cái gai trong mắt mọi người xung quanh, và là nguồn cơn khiến gia đình anh bị cộng đồng kỳ thị, xa lánh. Như vậy, G.A.S. một mặt đã nói dối và tới khám, bốc thuốc chỗ thầy thuốc trong vùng một cách kín kẽ, một mặt, anh vẫn thực hiện khai báo y tế và cách ly tại gia theo yêu cầu.

Từ câu chuyện của G.A.S., Đ. và P. ta thấy rõ, cách ly xã hội, đối với những nhà quản lý, với xã hội thì là một giải pháp để hạn chế sự lây nhiễm của bệnh dịch, nhưng đối với những cá nhân có nguy cơ hoặc bị cho là có nguy cơ lây nhiễm bệnh như G.A.S., Đ. hay P. thì là một công cụ, một giải pháp để bản thân có thể tự thanh tẩy và được xã hội chấp nhận.

Những người được phỏng vấn chỉ ra rằng, thái độ của từng người liên quan tới việc chống dịch, dẫn tới các mâu thuẫn trong giao tiếp xã hội liên quan tới chất lượng thông tin có thể tiếp cận. Những trường hợp như P., như M., như G.A.S. là những người có khả năng sử dụng Internet và có thể theo dõi dịch bệnh qua các kênh thông tin chính thống như trang Facebook “Thông tin chính phủ” (M.T.M), WHO (G.A.S), báo điện tử: dân trí, vnexpress (G.A.P) cảm thấy an tâm hơn về dịch bệnh. Trong khi đó, những người ở quê, những người không biết tiếng phổ thông, nguồn cấp tin về dịch bệnh được coi là chính thống và gần như là duy nhất là chiếc loa phát thanh của xã và chiếc loa lưu động của trường bản. Một điều thú vị được G.A.S chia sẻ, rằng cứ mỗi lần chiếc loa phát thanh lưu động đó chạy qua khu vực của anh, anh lại cảm thấy người ta để phòng anh hơn, những tiếng người lớn dặn trẻ con “đừng đi chơi với thằng S.” lại nhiều hơn. Việc thiếu thông tin rõ ràng, đầy đủ của cộng đồng người dân ở quê còn được củng cố qua mẫu phỏng vấn là tổng đài viên D. đã đề cập ở trên.

Với người ở lại thành phố

Nằm trong vùng dịch, những người di cư ở lại thành phố nhận những tác động trực tiếp của biện pháp cách ly xã hội tới đời sống cá nhân của mình. Tuy họ mang tâm thế chủ động trong thời gian dịch và vẫn tiếp tục cuộc sống mưu sinh như đã đề cập ở phần Sinh Kế, nhưng những hoạt động khác như gặp gỡ bạn bè, thăm hỏi nhau đều bị dừng lại trong trạng thái cách ly. Thay đổi lớn nhất về mối quan hệ là giảm thiểu của vốn xã hội tại vùng dịch. Người di cư với những mối quan hệ ít ỏi tại nơi xa nhà trở nên ít ỏi hơn khi đa phần người đồng hương, đồng tộc đều trở về quê. Trước những khó khăn tiềm tàng trong thời gian cách ly như dịch bệnh và thu nhập giảm, sự đơn lẻ này khiến tình cảnh bấp bênh của người di cư càng trở nên bấp bênh hơn:

“Mùa dịch này thì anh em, bạn bè về quê hết. Chả có ai để gặp. Ít nói chuyện với bạn bè lắm, không ai nói nhắn tin hỏi thăm em, ngoài người thân gia đình ... Xóm trọ có 10 phòng thì về hết, thằng bạn cũng về còn em một em và một phòng.” (C.)

“Khu trọ thì chỉ còn phòng chị với phòng cô chủ. Các phòng khác về hết.”(M.)

“ở dưới này rất là xa thì có ốm thì gia đình không thể xuống đây được. Ở nhà, dịch thì mọi người nhìn thấy mình người ta biết thì người ta quan tâm mình, còn mình ở đây, không biết là ai quan tâm mình thật sự không.”(D.)

Để khắc phục nhu cầu gặp gỡ do giãn cách xã hội, những người phỏng vấn có các cách ứng biến khác nhau. Có người ở yên tại nhà và tăng cường gọi điện về quê, có người tìm thêm cách để giao tiếp online, có người phá lệnh cách ly và gặp gỡ tại nhà riêng. Những giải pháp này thể hiện nhu cầu gặp gỡ của những người di cư. Những giải pháp để tương tác phần nào mở rộng những giới hạn trong giao tiếp của mỗi cá nhân mà sau thời gian cách ly họ có thể áp dụng.

Tất cả những người trả lời phỏng vấn đều cho biết trong thời gian cách ly liên hệ với gia đình nhiều hơn, mối quan hệ với bố mẹ và con cái được cải thiện. Nhờ sử dụng internet nhiều, bố mẹ ở quê cũng quen hơn với việc gọi điện qua các ứng dụng gọi miễn phí như Zalo, gọi hình ảnh của Messenger:

“Thường nói chuyện, trò chuyện 30 – 40 phút đấy, làm cho bố mẹ em biết dùng video call hơn.”(Q.)

“Em gọi điện cho bố mẹ qua messenge và zalo, em đeo kính có lúc bị mờ, thế là em bỏ khẩu trang xuống, bố và em trai bảo khẩu trang đâu, đeo vào.”(D.)

2/6 người tham gia phỏng vấn đã tìm cách giao lưu trực tiếp tại nhà như livestream hát, xem phim, ăn lẩu khi nghĩ rằng đã an toàn, đã “hết dịch”.

“mọi người lâu lâu liên hệ nhau qua facebook, gọi nhau ra chỗ làm để chơi, không có trà đá thì mua nước cam về phòng uống ngồi xem phim bom tấn. Có những buổi thì anh em tụ tập ở phòng ngồi ăn lẩu, nói chuyện.”(S.)

“Có đợt thấy vẫn vẫn rồi thì em mới ra chỗ bạn live stream hát. Em suốt ngày ở nhà, bạn bè cũng suốt ngày ở nhà thì lây thế nào được, giờ cũng “hết dịch” rồi em sang chỗ bạn chơi.”(Q.)

Trường hợp tụ tập để livestream hát thể hiện một hình thức kết nối xã hội đặc biệt trong thời gian cách ly, đó là giao tiếp cộng đồng qua internet. Một mặt Q. và bạn bè muốn gặp gỡ trực tiếp nhau, một mặt nhóm bạn không dấu diếm hành động làm trái lệnh mà muốn chia sẻ niềm vui gặp gỡ khi đang cách ly tới mạng xã hội: những người bạn đang cách ly tại thành phố, người đồng tộc đã về quê. Cũng dùng giải pháp tương tự và đảm bảo cách ly, N.(người Tày, Cao Bằng) hát then đàn tính với bạn bè qua ứng dụng gọi điện miễn phí Zalo. Đây là một hình thức mới hoàn toàn, và thay đổi cách giao tiếp của nhóm bạn sở thích, mở rộng khả năng giao tiếp thông qua âm nhạc:

“Thỉnh thoảng anh mang đàn tính ra gảy, anh cứ buồn là mang đàn ra chơi, không được gặp trực tiếp thì bọn anh gọi qua zalo nhóm để đàn cho đỡ nhớ.... Tụi anh hát đồng ca, hợp ca qua video call, hát những bài mà tất cả đã thuộc...” (anh Đ, tổng đài viên tư vấn).

Internet, trong trường hợp người di cư ở lại thành phố đã được tối ưu hóa trở thành một không gian sinh hoạt văn hóa, mà trong đó người di cư không những tương tác cá nhân mà có thể tương tác theo nhóm dưới nhiều nền tảng trực tuyến khác nhau.

Trong giao tiếp giữa người ở quê và người di cư, có một điểm trùng lặp giữa nhóm về quê và nhóm ở lại Hà Nội là chất lượng thông tin ảnh hưởng tới tâm lý của người phòng dịch. Những người ở lại thành phố, tuy ở trong ổ dịch nhưng có thái độ lạc quan hơn, chủ động trong phòng tránh dịch bệnh. Việc này có thể được lý giải bằng khả năng tiếp cận thông tin của hai nhóm này. Như đã đề cập ở trên việc chỉ tiếp nhận thông tin một chiều qua loa lưu động và tâm lý lo sợ của “chống dịch như chống giặc” khiến người ở quê lo âu hơn, nhìn mọi nơi có Covid đều nguy hiểm, gắn với cái chết - kể cả khi đó là người di cư về quê hay địa phương nơi có dịch bệnh. Ngược lại, người ở lại Hà Nội khả năng tiếp cận nguồn thông tin đa chiều hơn giúp họ có nhiều thông tin dịch bệnh, tình hình chống dịch:

“Nó không phải bệnh tự bùng nổ, mà bệnh lây từ nước ngoài về các thành phố, sau mới lây về quê, nhưng những người đi từ vùng dịch về thì bị cách ly rồi. Mà Việt Nam thì có chuẩn bị rồi nên không lo”(C.)

“bố em bảo tưởng con không làm nữa, xem tin tức họ bảo chết nhiều người lắm. Bố mẹ cũng hay xem tin tức, nhưng độ tiếp nhận thông tin hạn chế nên họ chỉ nghe, nhớ con số người chết thôi chứ không biết gì nữa... Bố mẹ thì thấy vấn đề rất là nghiêm trọng, mẹ em lo, bảo dưới đây thế nào, trên này họ đi phun thuốc khắp làng rồi.” (D.)

4. Kết luận và khuyến nghị

Lựa chọn về quê hay ở phố luôn là băn khoăn mang tính bản lề của người dân tộc thiểu số di cư thành thị. Bởi đi cùng lựa chọn này là những thay đổi về bối cảnh sống, cơ hội sinh kế, vốn xã hội...

Chiến thuật thích ứng đa dạng trong mùa dịch là điểm chung của cả hai nhóm. Tuy nhiên, sự đa dạng này không đi cùng với mức thu nhập của người di cư. Nó chỉ biểu hiện khả năng ứng biến trước khó khăn mà người lao động di cư luôn phải ứng biến trong đời sống hàng ngày. Về khả năng sinh kế, cả 2 nhóm đều xoay sở trong tình cảnh mới với điều kiện phụ thuộc vào quỹ tài nguyên hoặc cung cầu của thị trường. Điều này cảnh báo việc thiếu quỹ đất sản xuất tại địa phương trong tương lai, khi dịch COVID-19 vẫn có khả năng kéo dài. Tại đô thị, người lao động không có hợp đồng tiếp tục trở thành những người dễ bị tác động nhất - dù họ có thể linh hoạt điều chỉnh công việc của mình nhanh chóng.

Vai trò của Internet giúp tạo ra kết nối và được tối ưu hóa trong thời gian cách ly. Khiến Cách ly xã hội chỉ là cách ly về mặt địa lý, còn người di cư có thể tiếp tục sinh hoạt văn hóa cộng đồng, kết nối với gia đình và bạn bè thông qua không gian mạng. Đồng thời, vì trực tuyến là cách duy nhất mọi người kết nối với nhau, giúp tăng khả năng sử dụng các ứng dụng gọi điện, nhắn tin, mạng xã hội của người dân tộc thiểu số.

Chất lượng thông tin và cách truyền tin là một biện pháp chống dịch nhưng đồng thời cũng tạo thêm khoảng cách giữa người với người. Nếu Internet giúp giải quyết vấn đề về giãn cách địa lý, thì cũng tạo ra giãn cách về quan hệ giữa người với người thông qua việc truyền tin. Những thông tin được tuyên truyền chưa g đầy đủ, diễn ngôn về “chống dịch như chống giặc” tạo ra nỗi sợ của cộng đồng tới những người gần với dịch bệnh hơn dù họ không nhiễm bệnh. Trong hoàn cảnh này, những người có khả năng tiếp cận thông tin đa chiều và những vùng được đảm bảo về chất lượng đường truyền giúp con người tự tin hơn và giúp đời sống ổn định hơn trong thời gian cách ly.

Các gói hỗ trợ xã hội trong thời gian này kịp thời tới những nhóm đối tượng dễ chịu tác động bởi đại dịch COVID-19, tuy nhiên cách hỗ trợ khiến những người được phỏng vấn không được nhận hoặc từ chối không nhận các hỗ trợ.

